

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017





www.psc1.com

PSC.1

THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và người lao động

Kinh tế Việt Nam năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, cùng với giá thịt lợn giảm mạnh, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2017 của cả nước. Theo tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2017 là 6,81% vượt chỉ tiêu 6,7% mà Quốc hội đề ra.

Ngành Bảo vệ thực vật của Việt Nam trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của thời tiết biến đổi bất thường, bão, mưa lớn gây ngập úng, vỡ đê bao tại một số địa phương phía Bắc và hiện tượng lũ sớm ở Đồng bằng sông Cửu Long ảnh hưởng khá lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hưởng lợi từ xu hướng tốt lên chung của nền kinh tế quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm vừa qua cũng đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận: Doanh thu bán hàng đạt hơn 540,5 tỷ đồng - mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây, tăng trưởng 12,5% so với năm 2016, vượt 15% kế hoạch đầu năm đã đề ra. Theo đó, lợi nhuận sau thuế tăng 3,94% so với năm 2016, đạt 11,07 tỷ đồng và hoàn thành 110% kế hoạch năm.

Cơ hội và tương lai đang vô cùng rộng mở trước mắt, nhưng chúng tôi nhận định đi kèm với đó là muôn vàn thách thức trong nền kinh tế đang thay đổi không ngừng. Tuy nhiên tôi tin tưởng với kinh nghiệm và sự nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo cùng đội ngũ CBCNV, công ty sẽ tiếp tục gặp hái được những thành công mới trong năm 2018 tới.

Thay mặt lãnh đạo Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý khách hàng, quý cổ đông đã đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong suốt hơn 30 năm qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ tích cực từ quý vị.

Xin chân thành cảm ơn!

Thay mặt HĐQT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG VĂN THÔNG





VIẾT TẮT

BT1	CTCP Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Công ty	CTCP Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
LNST	Lợi nhuận sau thuế
BVTV	Bảo vệ thực vật
NN&PT-NT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

MỤC LỤC

4 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Cơ cấu bộ máy tổ chức
Định hướng
Rủi ro

15 TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông

35 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặc điểm môi trường kinh doanh 2017
Đánh giá của Ban Tổng giám đốc
Tình hình tài chính 2017
Đánh giá thành tựu, tiến bộ của công ty
Kế hoạch kinh doanh năm 2018

44 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung của HĐQT
Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BKS
Định hướng năm 2018

49 BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị
Báo cáo và đánh giá của BKS
Giao dịch, thù lao của HĐQT, BKS và BDH

59 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững
Đánh giá chỉ tiêu về phát triển bền vững

61 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Số 0100101611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 06 năm 2006 và thay đổi lần thứ 4, ngày 07 tháng 7 năm 2016
Vốn điều lệ	52.500.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.500.000.000 đồng
Địa chỉ	145 Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP Hà Nội
Số điện thoại	84.24.38572764
Số fax	84.24.38572751
Website	www.psc1.com
Mã cổ phiếu	BT1



Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 06 tháng 01 năm 1993 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và CNTP (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành Quyết định số 08 NN - TCCB/QĐ ngày 6/1/1993 thành lập doanh nghiệp nhà nước: Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1, Công ty có các Chi nhánh:

- Chi nhánh vật tư Bảo vệ thực vật 1 Đà Nẵng
- Chi nhánh vật tư Bảo vệ thực vật 3 Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1 tại Thanh Hoá
- Chi nhánh Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1 tại Hà Tĩnh
- Chi nhánh Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1 tại TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1 tại Hưng Yên.

Bộ trưởng Bộ NN & PTNT ban hành Quyết định số 3112 QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10 tháng 11 năm 2005 về việc chuyển Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 thành Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1 được thành lập theo Quyết định số 403QĐ/BNN-TCCB ngày 26 tháng 10 năm 1985 của Bộ Nông nghiệp.

Năm 1985

Năm 1993

Năm 2005

Năm 1985

Năm 2004

Năm 2006 đến nay

Ngày 18/06/1992 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định số 163/NN/TCCB/QĐ tách Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1 thuộc Cục Bảo vệ thực vật về trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngày 24/02/2004 Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Quyết định số 415/QĐ/BNN-TCCB cho phép Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1 tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 10/06/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Sau khi cổ phần hoá, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 – Trung ương đã phát triển không ngừng. Hiện nay, với 08 Chi nhánh và 08 Tổ bán hàng, Công ty đã thiết lập được Hệ thống phân phối trải dài khắp trên cả nước.



www.psc1.com

Thành tích đạt được

Công ty đạt tiêu chuẩn quản lý sản xuất và cung ứng theo Hệ thống quản lý chất lượng – Môi trường: ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004.



Và các giải thưởng tiêu biểu khác:



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.
- Xuất nhập khẩu vật tư bảo vệ thực vật, phân bón, nông sản.
- Sản xuất kinh doanh giống cây trồng...

Địa bàn kinh doanh:

Sau khi cổ phần hoá, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đã phát triển không ngừng. Hiện nay, với 8 Chi nhánh và 8 Tổ bán hàng, Công ty đã thiết lập được Hệ thống phân phối trải dài khắp trên cả nước.

1. Chi nhánh Hải Phòng
2. Chi nhánh Phía Bắc
3. Chi nhánh Thừa Thiên Huế
4. Chi nhánh Đà Nẵng
5. Chi nhánh Nam Trung Bộ
6. Chi nhánh Phú Yên
7. Chi nhánh Tây Nguyên
8. Chi nhánh Phía Nam
9. Tổ Bán hàng khu vực I
10. Tổ Bán hàng khu vực II
11. Tổ Bán hàng khu vực III
12. Tổ Bán hàng khu vực IV
13. Tổ Bán hàng khu vực V
14. Tổ Bán hàng khu vực VI
15. Tổ Bán hàng khu vực VII
16. Tổ Bán hàng khu vực VIII

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính:

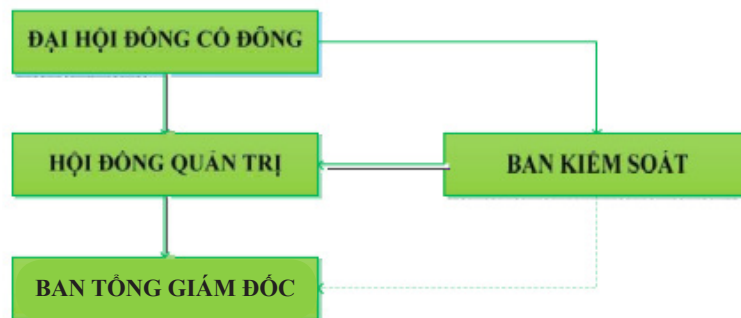
- Thuốc trừ sâu
- Thuốc trừ bệnh
- Thuốc trừ cỏ
- Thuốc trừ ốc bươu vàng
- Thuốc ĐHST cây trồng
- Phân bón lá
- Giống cây trồng



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.



Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty cho các năm tiếp theo. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

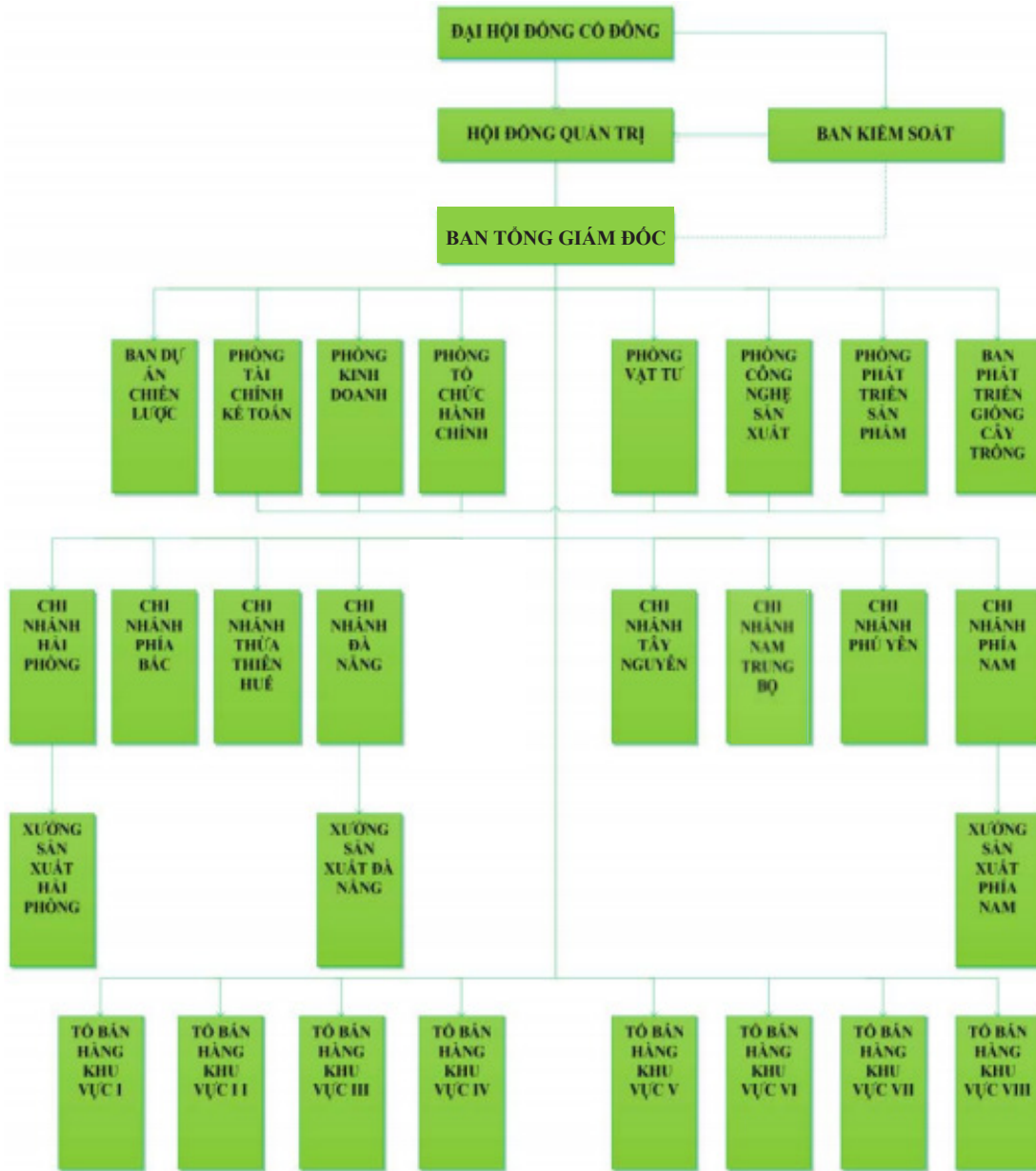
Hội đồng quản trị: Gồm 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh các cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 5 năm và được bầu lại tại cuộc họp ĐHĐCĐ khi hết nhiệm kỳ.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát là tổ chức có chức năng và nhiệm vụ thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

Cơ cấu tổ chức:



Công ty hiện không có các công ty con và công ty liên kết.





Định hướng phát triển

“Cùng với nông dân cả nước phấn đấu vì một nền nông nghiệp Việt Nam sạch và bền vững, vì sự ấm no và hạnh phúc của mọi nhà”

**Phương
châm**

Định hướng chung

Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương luôn là địa chỉ tin cậy của bà con nông dân, của các đối tác trong và ngoài nước, của Quý bạn hàng. Với phương châm “Cùng với nông dân cả nước phấn đấu vì một nền nông nghiệp Việt Nam xanh, sạch và bền vững, vì sự ấm no và hạnh phúc của mọi nhà” Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đề ra các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Sản xuất, cung ứng các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, điều hoà sinh trưởng cây trồng chất lượng cao, an toàn với con người, cây trồng và môi trường.
- Đảm bảo lợi ích hợp pháp, chính đáng của bà con nông dân, các đối tác và của Quý bạn hàng.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, cải thiện điều kiện làm việc để đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động, đảm bảo môi trường.
- Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng có năng suất và hiệu quả cao.





Định hướng chi tiết

Phát triển sản phẩm mới:

- Tăng cường hợp tác với các Tập đoàn, Công ty nước ngoài chuyên sản xuất nguyên liệu, phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật để lựa chọn, phát triển các sản phẩm mới. Củng cố, nâng cao thương hiệu của Công ty trên cơ sở chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

- Nghiên cứu, đánh giá, đăng ký thêm các sản phẩm mới, nhất là những sản phẩm đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Cải tiến sản phẩm sẵn có, cải tiến mẫu mã, bao bì để khai thác hết ưu thế của sản phẩm.

Phát triển thị trường:

- Củng cố thị trường truyền thống và mở rộng thị trường tiềm năng.

- Xác định vùng thị trường, tuổi thọ của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Củng cố thương hiệu của Công ty tại các vùng thị trường, xây dựng mối quan hệ hợp tác trên cơ sở gắn kết lợi ích giữa Công ty và các tổ chức khác.

Xây dựng giá bán và chính sách và hỗ trợ bán hàng:

- Xây dựng giá bán phù hợp, linh hoạt cho từng thời kỳ. Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp để nâng cao doanh số, lợi nhuận, vị thế của Công ty, tạo giá trị gia tăng cho khách hàng và người lao động, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sản phẩm phù hợp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác tiêu thụ sản phẩm, nâng cao thương hiệu của Công ty.

Xây dựng bộ máy:

- Kiến tạo toàn tổ chức, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.



Rủi ro

Rủi ro về kinh tế:

Kinh tế Việt Nam năm 2017 đạt được nhiều thành tựu như Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,81% so với năm 2016, vượt mục tiêu đề ra 6,7%; lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định, phổ biến ở mức 5,3% - 6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng. Tuy nhiên sản xuất nông nghiệp trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của thời tiết biến đổi bất thường, bão, mưa lớn gây ngập úng, vỡ đê bao tại một số địa phương phía Bắc và hiện tượng lũ sớm ở Đồng bằng sông Cửu Long gây khó khăn cho người nông dân và là thách thức lớn cho phát triển kinh tế ngành nói chung và hoạt động kinh doanh của công ty nói riêng.

Rủi ro tài chính:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do có những khoản vay ngân hàng bằng đồng USD gây nên khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm. Về lãi suất, mặt bằng lãi suất năm 2017 tương đối ổn định ở mức hợp lý. Tuy nhiên, lãi suất của Ngân hàng thương mại luôn có sự phụ thuộc rất lớn vào chính sách lãi suất của Ngân hàng Nhà nước nên rủi ro về lãi suất vẫn luôn tiềm ẩn, đòi hỏi công tác quản trị rủi ro phải được đề cao.



Rủi ro hoạt động:

Dư địa thị trường thuốc bảo vệ thực vật ở trong nước hiện còn rất lớn, ngành nông nghiệp nhập và sử dụng từ 70.000 - 100.000 tấn mỗi năm. Ngoài ra, việc nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật đang áp thuế 0% cùng với biên lợi nhuận gộp của ngành này khá hấp dẫn nên thị trường thuốc bảo vệ thực vật luôn là mảnh đất màu mỡ để các DN lao vào cuộc tranh đua mở rộng thị phần, tăng doanh số.

Rủi ro đặc thù ngành:

Quy mô thị trường ngành ngày càng phình to trong khi diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị bó hẹp. Ngoài ra các doanh nghiệp trong ngành khá bị động trong sản xuất kinh doanh do nguồn nguyên liệu có được chủ yếu thông qua nhập khẩu. Theo thống kê của Bộ NN&PTNT, ước giá trị nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu trong 5 tháng đầu năm 2017 đạt khoảng 400 triệu USD, tăng 41,1% so với cùng kỳ năm 2016. Nguồn nhập khẩu chủ yếu là từ Trung Quốc chiếm tới 53,4% tổng giá trị của mặt hàng này. Ngoài ra, Việt Nam còn nhập khẩu của một số thị trường khác như Thái Lan, Hàn Quốc, Đức, Ấn Độ...

Rủi ro tài chính:

Do đặc thù kinh doanh công ty phải nhập khẩu nguyên liệu nên tỷ giá hối đoái ảnh hưởng tương đối lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2017 vừa qua, Công ty gánh chịu khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái gây nên.

Về lãi suất, mặt bằng lãi suất năm 2017 tương đối ổn định ở mức hợp lý. Tuy nhiên, lãi suất của Ngân hàng thương mại luôn có sự phụ thuộc rất lớn vào chính sách lãi suất của Ngân hàng Nhà nước nên rủi ro về lãi suất vẫn luôn tiềm ẩn, đòi hỏi công tác quản trị rủi ro phải được đề cao.



Rủi ro pháp luật:

Một số sản phẩm Công ty đang sản xuất, kinh doanh bị loại khỏi danh mục thuốc được phép sử dụng tại Việt Nam, gồm: Fansipan 200SL, Rada, Cavil...; loại bỏ một số đối tượng phòng trừ trong giấy chứng nhận đăng ký thuốc (Ricide 72WP, Tango, Ortus...). Ngoài ra, những quy định về điều kiện sản xuất đối với cơ sở sản xuất, về đăng ký thuốc đang ngày càng chặt chẽ hơn

Rủi ro môi trường:

Do thói quen sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón của người nông dân để nâng cao năng suất cây trồng, đẩy nhanh tiến độ thu hoạch dẫn đến việc lạm dụng các loại thuốc này gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường

Rủi ro khác:

Rủi ro thiên tai như hạn hán, bão lũ; rủi ro biến động giá cả; rủi ro từ những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,...gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM
2017**





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	TH 2017 so TH 2016 (%)	TH 2017 so KH 2017 (%)
1	Tổng doanh thu	482.400.081.085	468.888.000.000	545.508.171.435	113,08	116,34
2	Tổng chi phí	468.989.535.291	456.329.814.637	531.552.613.567	113,33	116,48
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	13.410.545.794	12.558.185.363	13.955.557.868	104,06	111,12
4	Thuế TNDN	2.759.614.056	2.511.637.073	2.884.147.301	104,53	114,85
5	Nộp ngân sách	24.009.304.798	21.500.000.000	25.692.499.071	107,00	119,49
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.650.931.738	10.076.548.290	11.071.410.567	103,95	109,87
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.029	1.913,6	2.109	103,95	110,21
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	10.615.165	10.466.250	11.013.253	103,74	105,22

Năm 2017 chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc về kết quả kinh doanh của công ty, tổng doanh thu đạt 545,5 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 13,08% so với năm 2016, vượt 16,34% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế đạt hơn 11 tỷ đồng, tăng 3,95% so với năm 2016 và vượt 10% kế hoạch đề ra hồi đầu năm.

Kết quả này đạt được là nhờ sự chỉ đạo sát sao và phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, hơn thế nữa là những kinh nghiệm và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty trong năm vừa qua.

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	TH 2017/KH 2017 (%)
Sản lượng	Tấn	5.591	6.059	105,17
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	468.888	540.579	115,28
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.047	11.071	110,19
Cổ tức	%/năm	16	16 (dự kiến)	-

Tổ chức và nhân sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đặng Văn Thông	CT HĐQT	923.643	17,59
2	Đỗ Đức Cơ	Phó CT HĐQT	130.714	2,49
3	Nguyễn Ngọc Long	TV HĐQT	104.060	1,98
4	Vũ Thiện Giáo	TV HĐQT	33.775	0,64
5	Phan Văn Tùng	TV HĐQT	43.712	0,83





Ông Đặng Văn Thông – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 20/10/1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông học, Thạc sỹ kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 923.643

Quá trình công tác:

- 6/1991 - 3/1993: Nhân viên Trung tâm kiểm định hóa chất bảo vệ thực vật, Cục Bảo vệ thực vật.
- 4/1993 - 6/1995: Nhân viên Phòng Kỹ thuật, Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
- 7/1995 - 8/1996: Kỹ sư, Phòng Kỹ thuật Công ty
- 9/1996 - 5/1998: Phó Phòng Thị trường Công ty
- 6/1998 - 3/2002: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty
- 7/2003 - 6/2006: Quyền Giám đốc Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
- 7/2006 – nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.





Ông Đỗ Đức Cơ - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 21/10/1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân sinh học, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 130.714

Quá trình công tác:

- 8/1984 - 4/1993: Kỹ sư, Cục Bảo vệ thực vật
- 5/1993- 6/1994: Kỹ sư Phòng Kỹ Thuật, Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
- 7/1994 - 2/2002: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
- 3/2002- 6/2006: Phó Giám đốc Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1.
- 7/2006 - 4/2016: Ủy viên thường trực HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần BVTV 1 Trung ương
- 5/2016 - nay: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần BVTV 1 Trung ương



Ông Phan Văn Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 10/12/1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Bảo vệ thực vật

Số cổ phần nắm giữ: 43.712

Quá trình công tác:

- 01/2001 - 6/2005: Cán bộ chi nhánh Hà Tĩnh – Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
- 07/2005 – 11/2008: Cán bộ phòng Phát triển sản phẩm Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
- 12/2008 – 4/2016: Tổ trưởng Tổ bán hàng khu vực IV – Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
- 5/2016 – Nay: Thành viên HĐQT, Tổ trưởng Tổ bán hàng khu vực IV – Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương



Ông Nguyễn Ngọc Long - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 28/06/1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân sinh học

Số cổ phần nắm giữ: 104.060

Quá trình công tác:

- 1978 - 1980: Chiến sỹ thuộc P3 E95 F307 Quân khu 5
- 1980 - 1983: Học viên trường Sỹ Quan lục quân 1 (K39)
- 1983 - 1984: Trung úy, đại đội phó C3 D6 E29 F345 Quân khu II
- 1984 - 1985: Trung úy, học viên tiểu đoàn Giáo viên Trường Sỹ quan Lục Quân I
- 1985 - 1988: Thượng úy, Giáo viên khoa chiến thuật trường Sỹ quan Lục quân I
- 1988 - 7/1993: Công nhân Xí nghiệp In Thông tấn Xã Việt Nam
- 8/1993 - 1/2004: Cán bộ Phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
- 2/2004 - 6/2006: Giám Đốc chi nhánh Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 3 Hải Phòng
- 7/2006 - 3/2014: Ủy viên HĐQT, Giám Đốc chi nhánh Hải Phòng thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
- 4/2014 - 7/2017: Ủy viên HĐQT, Trưởng Phòng Vật tư kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải phòng, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.
- T8/2017 - nay: Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương



Ông Vũ Thiện Giáo – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 08/07/1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

Số cổ phần nắm giữ: 33.775

Quá trình công tác:

- 2/1986-3/1991: Cán bộ nghiên cứu nông dược Viện Hóa học Công Nghiệp
- 4/1991 - 7/1995: Cán bộ nghiên cứu Công ty Thuốc Sốt Trùng Việt Nam
- 8/1995 - 3/1997: Phụ trách Phòng nghiên cứu tại Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
- 4/1995 - 8/1999: Phó Phòng nghiên cứu tại Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
- 9/1999 - 3/2002: Phụ trách nghiên cứu phát triển sản phẩm, Trưởng phòng Kỹ thuật, Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
- 4/2002 - 12/2006: Quản lý kỹ thuật sản xuất Chi nhánh 1 Hà Nội Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
- 1/2007- 6/2009: Trưởng phòng Kế Hoạch Chi nhánh 1 Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
- 7/2009 - nay: Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Công nghệ Sản xuất, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Lê Ngọc Diệp	Trưởng Ban kiểm soát	12.345	0,235
2	Trần Văn Biên	Thành viên Ban kiểm soát	32.000	0,609
3	Vũ Thị Thanh Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	84.505	1,61

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đặng Văn Thông	Tổng giám đốc	923.643	17,59
2	Đỗ Đức Cơ	Phó Tổng giám đốc	130.714	2,49

(Sơ yếu lý lịch của Ban Tổng giám đốc được trình bày tại mục Thành viên HĐQT)



Ông Lê Ngọc Diệp - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 17/08/1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 12.345

Quá trình công tác:

- 01/2010 - 8/2015: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
- 9/2015 – 4/2016: Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh Tây Nguyên thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
- 5/2016 – đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương





Ông Trần Văn Biên - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 05/01/1954

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 32.000

Quá trình công tác:

- 12/1970 – 8/1979: Bộ đội
- 9/1979 – 5/1984: Sinh viên Học viện Tài chính Kế toán
- 6/1984 – 2/1996: Kế toán tổng hợp Liên hiệp Xí nghiệp gia cầm Việt Nam
- 3/1996 - 7/2003: Kiểm soát viên Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam
- 8/2003 – 3/2013: Chuyên viên chính Ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp (nay là Vụ doanh nghiệp) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 22/8/1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 84.505

Quá trình công tác:

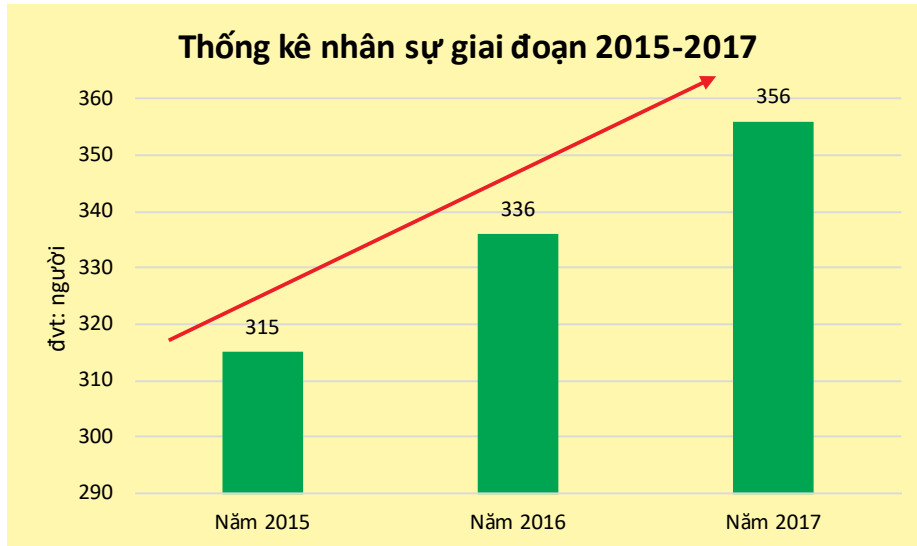
- 1/1981 – 5/1981: Công nhân Trại rau quả hữu nghị Gia Lâm, Hà Nội.
- 6/1981-11/1985: Đi lao động nâng cao tay nghề tại Tiệp Khắc
- 12/1985 - 11/1988: Nhân viên Phòng Vật tư, Cục Bảo vệ thực vật
- 12/1988– 5/2006: Nhân viên Phòng Tài vụ, Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1
- 6/2006 - nay: Kế toán viên Phòng Tài chính Kế toán thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 TW, Thành viên BKS.

Những thay đổi về nhân sự trong năm 2017:

1. Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 01/2017-HĐQT/NKIII ngày 17/02/2017 và Quyết định số 107 QĐ/BVTV.1-HĐQT ngày 28/02/2017 về việc bổ nhiệm bà Lương Thị Tú giữ chức Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01/03/2017
2. Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 04/2017-HĐQT/NKIII ngày 13/07/2017, Quyết định số 546 QĐ/BVTV.1-HĐQT và Quyết định số 547 QĐ/BVTV.1-HĐQT ngày 14/8/2017 về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Thạch làm Quyền Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kể từ ngày 14/8/2017; đồng thời miễn nhiệm ông Nguyễn Ngọc Long thôi làm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kể từ ngày 14/08/2017.

Thống kê nhân sự

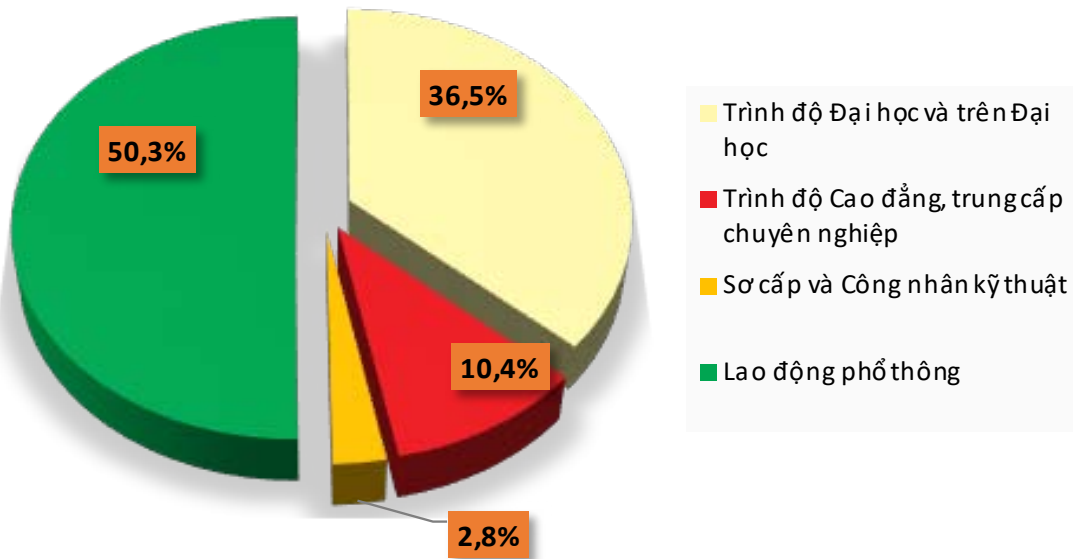
Thống kê nhân sự giai đoạn 2015 - 2017



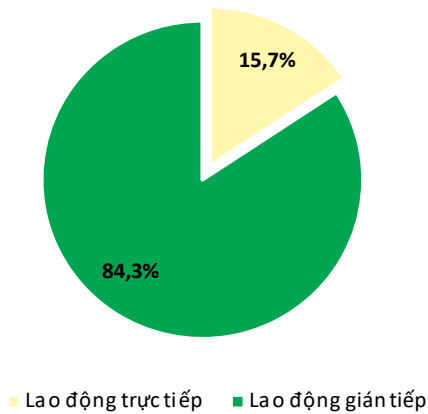
Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng 2016 (người)	Tỷ trọng	Số lượng 2017 (người)	Tỷ trọng
1	Theo trình độ lao động				
-	Trình độ Đại học và trên Đại học	118	35,1%	130	36,5%
-	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	37	11,0%	37	10,4%
-	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	9	2,7%	10	2,8%
-	Lao động phổ thông	172	51,2%	179	50,3%
2	Theo đối tượng lao động				
-	Lao động trực tiếp	49	14,6%	56	15,7%
-	Lao động gián tiếp	287	85,4%	300	84,3%
3	Theo giới tính				
-	Nam	261	77,7%	280	78,7%
-	Nữ	75	22,3%	76	21,3%
Tổng cộng		336	100%	356	100%

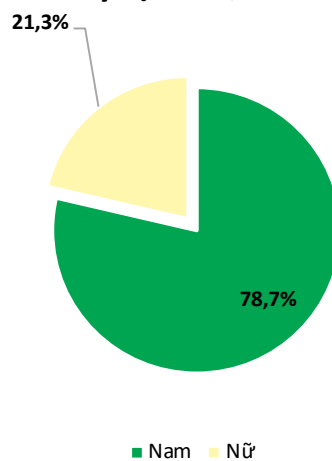
Trình độ lao động



Đối tượng lao động



Tỷ lệ Nam/Nữ



Chính sách đối với người lao động

Chính sách đào tạo, tuyển dụng

Trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh và hội nhập, Công ty coi lực lượng lao động là nguồn lực thiết yếu, không thể thiếu trong quá trình phát triển. Doanh nghiệp cần lực lượng lao động phải đáp ứng được các tiêu chí như: Thái độ tích cực, đúng đắn trong công việc; các kiến thức nền tảng, kỹ năng cứng liên quan tới công việc chuyên ngành; kỹ năng mềm như giao tiếp, xử lý tình huống...

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên có hiệu quả cùng với công tác quy hoạch cán bộ theo cơ chế hiện đại để những người trẻ tuổi có điều kiện phát triển tố chất lãnh đạo. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn.

Tuyển dụng và giữ chân những nhân viên thích hợp, loại bỏ những nhân viên làm việc không hiệu quả và cung cấp cho các nhân viên những nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp. Chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp hoàn thành tốt công việc được giao.

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, do đặc thù sản phẩm của Công ty phục vụ sản xuất nông nghiệp nên phải sản xuất theo đơn đặt hàng và phục vụ theo mùa vụ. Để kịp thời cung ứng các sản phẩm phục vụ bà con nông dân phòng trừ dịch hại, Công ty phải huy động các đơn vị sản xuất, bán hàng làm thêm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không quá 04 giờ/ngày/người và 300 giờ/năm/người (TT 54/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động thương binh xã hội). Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ. Công ty thực hiện chế độ làm việc theo đúng Bộ Luật lao động.

Công ty luôn quan tâm và đảm bảo môi trường làm việc an toàn. Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Người lao động làm việc trực tiếp trong các xưởng sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại, được đào tạo về vệ sinh, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...





Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng thang bảng lương theo quy định của Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ 01/01/2017; Tỷ lệ tiền lương năm 2017 so với năm 2016 tăng 8,5%, cụ thể:

STT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ tăng (%)
1	Lương tối thiểu Vùng I	3.500.000	3.750.000	7,1
2	Lương tối thiểu Vùng II	3.100.000	3.320.000	7,1
3	Lương tối thiểu Vùng III	2.700.000	2.900.000	7,4
4	Tổng tiền lương chi cho Người lao động	1.565.716.000	1.648.445.000	5,3
5	Mức lương đóng bảo hiểm bình quân/người/ tháng	4.700.000	5.100.000	8,5
6	Mức bình quân Công ty đóng BHXH, BHYT, TNNN, TN cho người lao động/ tháng (22%)	375.722.000	402.016.000	7,0

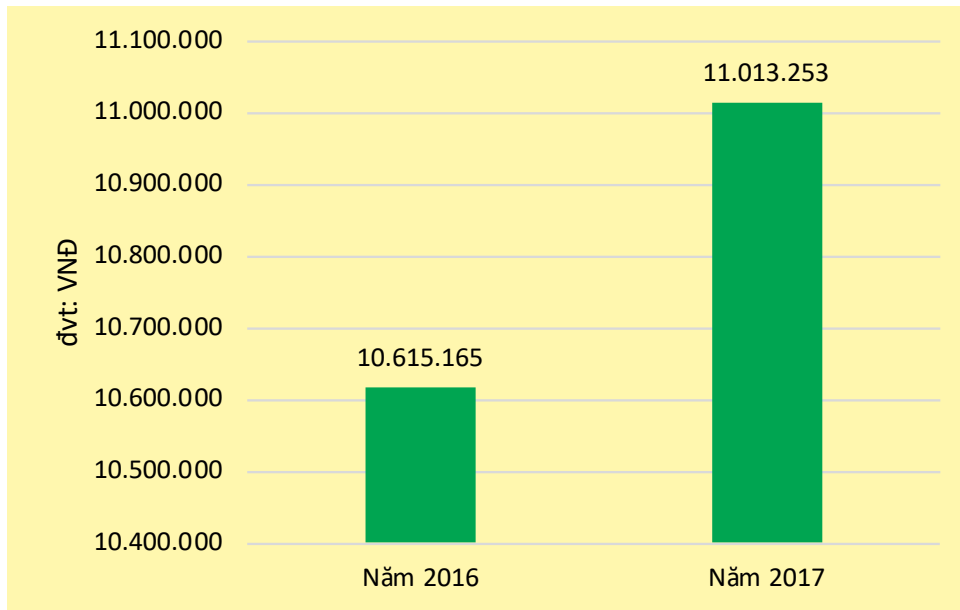
Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Người lao động làm việc theo chức danh công việc gì thì hưởng lương theo chức danh công việc đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới.

Quy định về xét tăng lương hàng năm cho người lao động đảm bảo tính minh bạch công khai.

Công ty đã thực hiện khen thưởng hàng kỳ, đột xuất cho cá nhân, tập thể tiên tiến và xuất sắc. Tiêu chuẩn để xét thi đua và khen thưởng căn cứ vào việc chấp hành nội quy quy chế của Công ty, thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực lãng phí. Thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo luật định và thỏa ước lao động tập thể.

Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm, quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.

Thu nhập bình quân của người lao động/tháng



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

STT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	Số tiền đầu tư (đ)	Thời điểm đầu tư	Tiến độ dự án
I	Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải và công cụ dụng cụ khác					
A	Chi nhánh Hải Phòng					
1	Lắp đặt hệ thống camera giám sát sản xuất	Cái	1	54.160.000	T1/2017	Đã thực hiện
2	Máy đóng gói ngang (trục vít) DXD-130C	Cái	1	630.000.000	T5 - 12/2017	Đã thực hiện
3	Máy hút bụi Đức Sơn	Cái	1	30.000.000	T5 - 12/2017	Đã thực hiện
4	Lập hồ sơ thiết kế hệ thống PCCC tự động	Hạng mục	1	66.000.000	T5 - 6/2017	Đã thực hiện
5	Lắp đặt hệ thống PCCC tự động	Hạng mục	1	757.862.000	T9 - 12/2017	Đã thực hiện
6	Máy in phun Markem-Imaje 9028 - 1.1G	Cái	1	96.000.000	T11/2017	Đã thực hiện
B	Chi nhánh Phía Nam					
1	Mua xe nâng hàng Toyota, model: 62-8FD25	Xe	1	512.000.000	T4/2017	Đã thực hiện
2	Mua xe oto tải Isuzu NPR85K BKS: 51C-891.22	Xe	1	679.500.000	T4/2017	Đã thực hiện
3	Máy nén khí Piston Fusheng TA-100	Cái	1	40.000.000	T4/2017	Đã thực hiện
4	Mua xe ô tô 7 chỗ ngồi Toyota Fortuner 2.7V	Cái	1	1.306.657.200	T7/2017	Đã thực hiện
5	Hệ thống máy chiết rót, xiết nắp chai, bồn cấp liệu, thiết bị phụ trợ	Bộ	01	761.000.000	T11/2017	Đã thực hiện
6	Sửa chữa hệ thống điện tại Văn phòng và Xưởng sản xuất, mua mới trang thiết bị vệ sinh và PCCC	Hạng mục	1	220.884.500	T12/2017	Đã thực hiện
7	Sửa chữa sân mương thoát nước bao gồm: Phá dỡ và đổ bê tông nền sân để hàng; đào mương thoát nước sân trước và hành lang phía sau Xưởng sản xuất	Hạng mục	1	123.390.000	T9/2017	Đã thực hiện

STT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	Số tiền đầu tư (đ)	Thời điểm đầu tư	Tiến độ dự án
C Chi nhánh Nam Trung Bộ						
1	Xe ô tô tải Thaco HD650-TK1 tải trọng 6,4 tấn	Cái	1	663.128.000	T9/2017	Đã thực hiện
D Tổ Bán Hàng Khu Vực I						
1	Mua xe ô tô tải Hyundai HD65 - 2,5 tấn	Xe	1	656.280.000	T4/2017	Đã thực hiện
E Chi nhánh Phía Bắc						
1	Mua mới và lắp đặt máy điều hòa cho kho chứa hạt giống;	Cái	04	109.790.000	T3/2017	Đã thực hiện
II Xây dựng cơ bản						
Chi nhánh Đà Nẵng						
1	Xây mới "bể dự trữ nước PCCC"	Hạng mục	1	84.029.982	T3 - 6/2017	Đã thực hiện
2	Sửa chữa nhà chứa rác thải	Hạng mục	1	51.338.290	T3 - 6/2017	Đã thực hiện
3	Xây mới "bể xử lý nước thải"	Hạng mục	1	76.136.572	T3 - 6/2017	Đã thực hiện
4	Sửa chữa "bể xử lý nước thải"	Hạng mục	1	52.852.212	T3 - 6/2017	Đã thực hiện
5	Sửa chữa nhà nghỉ trưa của công nhân văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	Hạng mục	1	28.410.870	T6 - 7/2017	Đã thực hiện
TỔNG CỘNG				6.999.419.626		

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	258.708	272.857	5,46
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	480.278	540.579	12,55
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	13.077	12.267	-6,19
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	334	1.688	405,39
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.411	13.955	4,06
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.651	11.071	3,95

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty năm vừa qua đều có sự tăng trưởng tích cực, đặc biệt là chỉ tiêu doanh thu thuần, tăng 12,55% so với năm ngoái, chủ yếu do hoạt động bán hàng mang lại.

- Tính đến 31/12/2017, Tổng tài sản của doanh nghiệp đạt 272,85 tỷ đồng, tăng 5,46%.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt hơn 12 tỷ đồng, sụt giảm 6,19% so với năm 2016 chủ yếu do sự tăng lên đáng kể của các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Lợi nhuận từ hoạt động khác mang lại là 1,688 tỷ đồng, tăng tới hơn 405,39% so với năm trước. Mức tăng này có được là do trong năm công ty đã tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị đã lỗi thời, lạc hậu.

- Kết quả đạt được là mức lợi nhuận trước thuế đạt gần 14 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế là 11,071 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm và tăng trưởng 3,95% so với năm 2016.





Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,41	1,39
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,36	0,26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	62,96	64,12
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	169,98	178,67
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,06	2,28
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1,85	1,98
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,22	2,05
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	11,11	11,31
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	%	4,12	4,06
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	2,72	2,27

- Các hệ số thanh toán nói chung của công ty năm 2017 đều thể hiện sự sụt giảm. Tính đến 31/12/2017, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,39 lần, thấp hơn số 1,41 lần hồi đầu năm. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn chậm hơn tốc độ tăng của các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh của công ty tại ngày 31/12/2017 là 0,26 lần, thấp hơn nhiều mức 0,36 lần ngày đầu năm do lượng hàng tồn kho đang chiếm tỷ trọng khá lớn (81,5%) trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.
- Các tiêu chí về hệ số nợ trong cơ cấu vốn đang ở mức trung bình. Tuy nhiên công ty cần có các biện pháp để giảm dần các hệ số này nhằm đảm bảo mức độ an toàn tài chính
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều có sự tăng trưởng đáng kể. Cụ thể Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,06 vòng năm 2016 lên 2,28 vòng năm 2017 cho thấy công tác quản trị hàng tồn kho của công ty đã được cải thiện và đẩy nhanh hơn tốc độ bán hàng, điều này được thể hiện rõ qua sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng của công ty năm 2017.
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của công ty năm 2017 lần lượt là 11,31% và 4,06%, tăng nhẹ so với năm 2016. Tuy nhiên các chỉ tiêu về suất sinh lời trên doanh thu thuần và hệ số lợi nhuận ròng từ hoạt động kinh doanh đang cho thấy sự sụt giảm so với năm 2016, lần lượt đạt 2,05% và 2,27% năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí giá vốn hàng bán tăng lên nhanh làm bào mòn đi biên lợi nhuận hoạt động.



Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phần:

Số cổ phần phổ thông: 5.250.000 cổ phần
Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành: 5.250.000 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

Cơ cấu cổ đông:

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	0	0
2	Cổ đông sáng lập	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu \geq 5% vốn CP)	2.118.718	40,36
	- Trong nước	2.118.718	40,36
	- Nước ngoài	0	0
4	Cổ đông khác	3.131.282	59,64
TỔNG CỘNG		5.250.000	100

Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Đặng Văn Thông	011773468	Số 21/104 Trung Liệt, Đống Đa, Tp Hà Nội	923.643	17,59%
Đặng Quỳnh Trang	012729658	19/14 Trần Cao Vân, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội i	557.841	10,63%
Đinh Văn Hoạt	012164313	Thôn Đào Thục, Thụy Lâm, Đông Anh, Tp Hà Nội	333.000	6,34%
Doãn Thị Hằng	012484485	Số 23 ngõ 516 đường Láng, Đống Đa, Tp Hà Nội	304.234	5,79%

(Nguồn: Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước chốt tại ngày 31/12/2017)



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2006 với số vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng. Từ đó đến nay, công ty đã có 2 lần phát hành để tăng vốn điều lệ.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (1.000 VNĐ)	Vốn điều lệ sau phát hành (1.000 VNĐ)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý/Giấy CNĐKKD
1	2008	15.000.000	50.000.000	<ul style="list-style-type: none">- Phát hành cho cổ đông và cán bộ công nhân viên là 791.057 cổ phiếu- Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược 708.943 cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none">- NQ ĐHĐCĐ năm 2008 về việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và cho cổ đông hiện hữu.- Giấy chứng nhận số 358/UBCK-GCN ngày 09 tháng 12 năm 2008- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 97-BC/BVTV.1-HĐQT ngày 09 tháng 03 năm 2009.- Giấy CNĐKKD số 0103012757 đăng ký lần đầu ngày 05/06/2006, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18/05/2009
2	2011	2.500.000	52.500.000	Phát hành cho cán bộ công nhân viên trong công ty	<ul style="list-style-type: none">- NQ ĐHĐCĐ thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2011.- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty ngày 12 tháng 8 năm 2011.- Giấy CNĐKKD 0100101611 đăng ký lần đầu ngày 05/06/2006, Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/11/2011



**BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2017

Tình hình sản xuất nông nghiệp

Năm 2017 được ghi nhận là một năm có nhiều biến động về thời tiết với 16 cơn bão, 4 cơn áp thấp, cùng với đó là mưa lớn, lũ ống, lũ quét... xảy ra trên diện rộng ở khắp các vùng miền của cả nước. Ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do tình trạng biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, hạn hán, xâm nhập mặn kéo dài gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và các doanh nghiệp. Vượt lên tất cả những khó khăn, thách thức đó toàn ngành nông nghiệp đã đạt được những thành tựu rất đáng trân trọng: Tốc độ tăng trưởng ngành đạt 2,94%, vượt mục tiêu so với Chính phủ đề ra là 2,84%.

Tình hình dịch hại và bảo vệ thực vật

Năm 2017 mặc dù các dịch hại lớn hay xảy ra trên lúa như sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, đạo ôn, khô vằn... có xu hướng giảm dần. Tuy nhiên, bệnh lùn sọc đen có nguy cơ bùng phát, gây thiệt hại nghiêm trọng cho các tỉnh miền Bắc. Các quy luật về phát sinh sâu bệnh và dịch hại trên cây trồng theo mùa vụ thay đổi thất thường không còn tuân theo quy luật gây khó khăn cho công tác dự báo xây dựng kế hoạch mua nguyên liệu, bố trí sản xuất và kinh doanh.

Với sự phát triển của kỹ thuật canh tác và áp dụng tiến bộ của khoa học bảo vệ thực vật trong nông nghiệp, việc sử dụng thuốc trừ sâu, trừ bệnh cho cây trồng có xu hướng ngày càng giảm để đảm bảo vấn đề an toàn thực phẩm và nông sản xuất khẩu. Vì vậy, sự cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và giá cả đối với mặt hàng trong sản xuất kinh doanh thuốc BVTV ngày càng gay gắt.

Tình hình về môi trường tài chính và chính sách pháp luật đối với sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Kinh tế thế giới chịu nhiều rủi ro đan xen lẫn nhau, trong đó nổi lên là sự tăng trưởng của một số nền kinh tế lớn còn thiếu sự vững chắc, có khả năng giảm tăng trưởng trở lại do thắt chặt tiền tệ, rủi ro tái phát khủng hoảng nợ của EU,... Bên cạnh đó, sự điều chỉnh về chính sách khó lường của một số nền kinh tế lớn như Mỹ, Nga, tiến trình Anh rời bỏ EU, căng thẳng leo thang tại bán đảo Triều Tiên đã tạo ra nhiều rủi ro tiềm ẩn gây bất ổn kinh tế - tài chính trên toàn cầu.

Ở trong nước, ngành thủy sản có mức tăng cao nhất trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với 5,54% do sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc so với năm 2016, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Ngành lâm nghiệp tăng 5,14%, do chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,03 điểm phần trăm. Ngành nông nghiệp tăng 2,07% (năm 2016 tăng 0,72%), đóng góp 0,24 điểm phần trăm, cho thấy dấu hiệu phục hồi của ngành nông nghiệp sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao đã mang lại hiệu quả.

Về chính sách, quy định của nhà nước, một số sản phẩm Công ty đang sản xuất, kinh doanh bị loại khỏi danh mục thuốc được phép sử dụng tại Việt Nam, gồm: Fansipan 200SL, Rada, Cavil...; loại bỏ một số đối tượng phòng trừ trong giấy chứng nhận đăng ký thuốc (Ricide 72WP, Tango, Ortus...). Ngoài ra, có những quy định chặt chẽ hơn về điều kiện sản xuất đối với cơ sở sản xuất và đăng ký thuốc.



Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch	
			Số tiền	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	480.407.548.502	540.579.232.414	60.171.683.912	12,53
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	480.277.869.402	540.579.232.414	60.301.363.012	12,56
3. Giá vốn hàng bán	371.061.341.096	419.714.393.954	48.653.052.858	13,11
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và ccdv	109.216.528.306	120.864.838.460	11.648.310.154	10,67
5. Doanh thu hoạt động tài chính	322.522.613	1.452.498.170	1.129.975.557	350,36
6. Chi phí tài chính	7.097.642.237	7.068.035.354	-29.606.883	-0,42
7. Chi phí bán hàng	47.998.690.604	56.081.643.850	8.082.953.246	16,84
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.366.057.447	46.900.341.476	5.534.284.029	13,38
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.076.660.631	12.267.315.950	-809.344.681	-6,19
10. Thu nhập khác	1.799.689.070	3.476.440.851	1.676.751.781	93,17
11. Chi phí khác	1.465.803.907	1.788.198.933	322.395.026	21,99
12. Lợi nhuận khác	333.885.163	1.688.241.918	1.354.356.755	405,64
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.410.545.794	13.955.557.868	545.012.074	4,06
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.650.931.738	11.071.410.567	420.478.829	3,95





Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

(đơn vị tính: tỷ đồng)

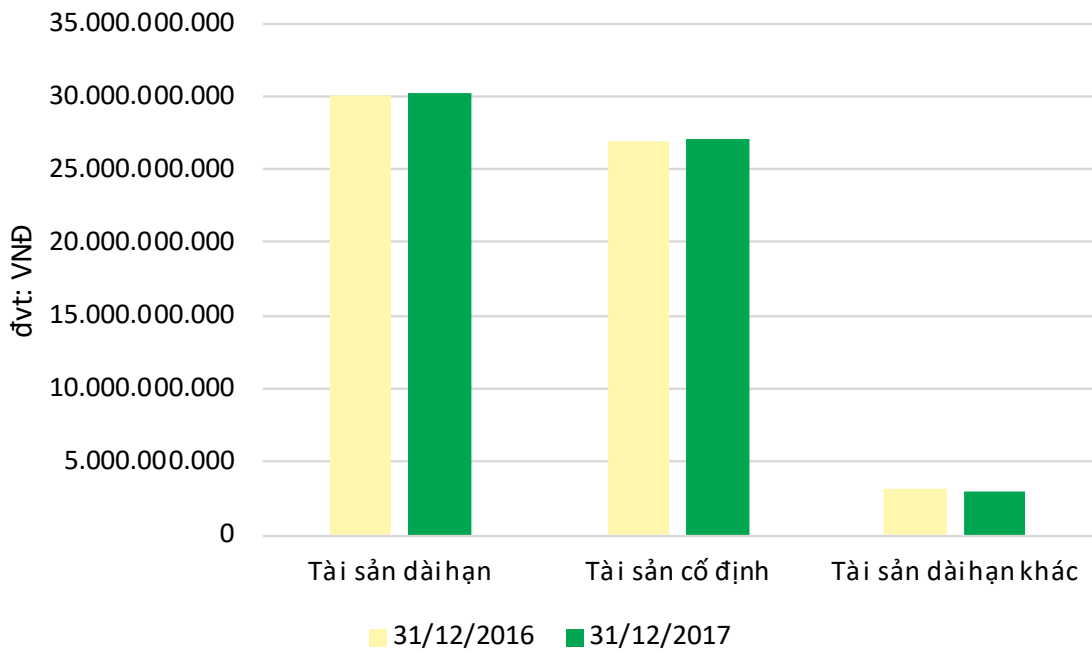
Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	242,694	228,582	14,112	6,17
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	20,974	43,132	-22,157	-51,37
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	18,241	12,069	6,172	51,13
IV. Hàng tồn kho	197,765	170,741	27,024	15,82
V. Tài sản ngắn hạn khác	5,713	2,640	3,073	116,40
B. Tài sản dài hạn	30,163	30,126	0,037	0,12
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	27,167	26,942	0,225	0,84
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	2,996	3,150	-0,153	-4,89
Tổng cộng tài sản	272,857	258,708	14,149	5,47

Tính đến hết 31/12/2017, tổng tài sản của công ty đạt 272,857 tỷ đồng, tăng hơn 14 tỷ đồng, tương đương mức tăng 5,47% so với đầu năm. Mức tăng này chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn. Cụ thể, tại 31/12/2017 tài sản ngắn hạn của công ty là 242,7 tỷ đồng, chiếm 88,9% tổng tài sản, tăng 14,11 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 6,17% so với đầu năm.

Về hiệu quả sử dụng tài sản, năm 2017 tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của công ty là 4,17%, nó cho biết 1 đồng tài sản khi đưa vào sản xuất kinh doanh thì tạo ra được 0,0417 đồng lợi nhuận ròng, số này tăng nhẹ so với năm 2016.

Cuối năm 2017, công ty có lượng hàng tồn kho tương đối lớn, 197,76 tỷ đồng chiếm gần 75% tài sản ngắn hạn, đồng thời lượng hàng tồn kho này cũng đã tăng 15,8% từ đầu năm. Hàng tồn kho của công ty chủ yếu là Nguyên liệu vật liệu (63,21%) và Thành phẩm (31,02%). Ngoài ra các khoản phải thu của công ty đến hết 31/12/2017 là 18,2 tỷ đồng, gấp hơn 1,5 lần so với hồi đầu năm.

Cơ cấu tài sản dài hạn



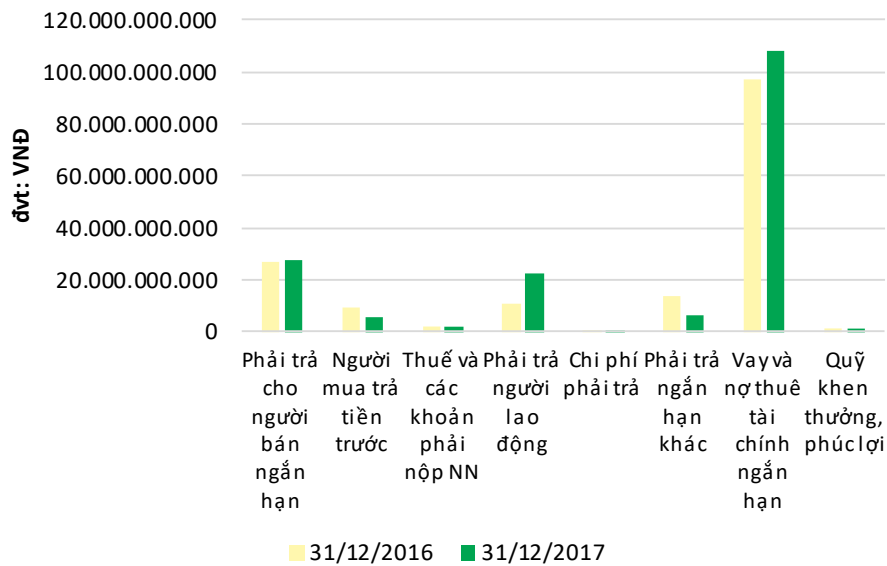
Tài sản dài hạn của công ty chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu Tổng tài sản, trong đó chủ yếu là Tài sản cố định hữu hình, bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc; phương tiện vận tải; máy móc thiết bị... Cụ thể tại thời điểm 31/12/2016, giá trị tài sản cố định là 26,9 tỷ đồng và tăng lên 27,2 tỷ đồng tại 31/12/2017.





Tình hình Nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2016	Tỷ trọng	31/12/2017	Tỷ trọng	Tăng giảm 2017/2016 (%)
Nợ phải trả	162.882.876.930	100%	174.943.149.938	100%	7,40
Nợ ngắn hạn	162.187.190.189	99,57%	174.507.740.992	99,75%	7,60
Nợ dài hạn	695.686.741	0,43%	435.408.946	0,25%	-37,41



Nợ ngắn hạn của công ty cuối năm 2017 là 174,5 tỷ đồng, tăng 12,32 tỷ đồng tương đương mức tăng 7,6% so với ngày đầu năm. Nợ ngắn hạn tăng chủ yếu là sự tăng lên của các khoản phải trả cho người lao động và nợ vay và thuê tài chính ngắn hạn, mức tăng lần lượt là 11,87 tỷ và 11,01 tỷ đồng so với đầu năm. Các khoản vay này chủ yếu là Công ty đi vay ngắn hạn tại các Ngân hàng TMCP nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất.

Sự tăng lên của khoản Phải trả người lao động là do trong năm 2017, công ty có sự thay đổi trong chính sách lương thưởng đối với người lao động, tuân thủ đúng quy định của Chính phủ về tăng lương tối thiểu vùng. Khoản phải trả người lao động tại ngày 31/12/2017 là 22,8 tỷ đồng, tăng gấp hơn 2 lần so với đầu năm.

Ngoài ra, trong năm 2017 công ty cũng đã tiết giảm được khoản phải trả ngắn hạn khác từ gần 14 tỷ đồng xuống còn 6,5 tỷ đồng, tương ứng giảm 53,68% do đã trả được một phần hàng vay tạm từ hàng dự trữ quốc gia.

Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến hoạt động kinh doanh của công ty

Liên quan đến ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái, trong năm 2017 công ty chịu lỗ gần 1,5 tỷ đồng do chênh lệch tỷ giá. Đây là rủi ro chung mà các doanh nghiệp trong ngành phải gánh chịu khi không thể tự chủ được nguồn nguyên liệu mà phải nhập khẩu hầu hết từ nước ngoài.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế, các sản phẩm đều được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và nhắc nhở người lao động thực hiện đúng quy định trong sản xuất. Tất cả công nhân viên trực tiếp sản xuất đều được kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo quy định.



- Đầu tư, thêm mới máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và sắp xếp, bố trí giờ làm việc phù hợp để tăng năng suất lao động, khai thác tối đa công suất của máy móc thiết bị

- Xây mới thêm các công trình, hạng mục nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, bán hàng tại một số chi nhánh

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện các quy trình sản xuất để công nhân mới hiểu biết, nắm bắt, nâng cao ý thức, kỷ luật về vệ sinh môi trường trong dây chuyền sản xuất.

- Máy móc thiết bị được bảo trì bảo dưỡng tốt

nên không có tình trạng hư hỏng khi đang vận hành trong sản xuất

- Tiếp tục xây dựng, duy trì mạng lưới hoạt động trên phạm vi cả nước, đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho bà con nông dân

- Thường xuyên khảo sát, tìm hiểu, phân tích thị trường, tích cực khai thác thêm khách hàng và thị trường mới.

- Tăng lương thưởng cho người lao động theo quy định mới của Chính phủ, chính sách phúc lợi lớn hơn, qua đó kích thích bán hàng, tăng năng suất làm việc của họ.



Kế hoạch hoạt động năm 2018

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	KH 2018/TH2017
Sản lượng (tấn)	6.059	5.177	85%
Tổng doanh thu (VNĐ)	545.508.171.435	468.888.000.000	86%
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	13.955.557.868	12.558.185.363	90%
Cổ tức (%/năm)	16% (dự kiến)	16% (dự kiến)	-

Một số công tác chủ yếu và giải pháp thực hiện

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp từ thái độ, tác phong làm việc, chấp hành các quy chế, quy định, chính sách, nội quy Công ty đến văn hoá giao tiếp, ứng xử;
- Tổ chức xây dựng và lập mục tiêu cụ thể của từng chi nhánh, đánh giá sự phối hợp giữa các phòng ban/bộ phận chức năng, mức độ hoàn thành công việc của CBCNV, theo dõi tiến độ thực hiện công việc được giao theo thời hạn hoàn thành;
- Tổ chức đánh giá năng lực cán bộ nhân viên định kỳ, tiến hành đánh giá hiệu suất lao động;
- Tăng cường công tác cập nhật các cơ chế, chính sách mới tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các chế độ chính sách mới ban hành và sửa đổi bổ sung cho phù hợp;
- Xây dựng quy định khen thưởng - kỷ luật cá nhân, đơn vị theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ;
- Triển khai mục tiêu doanh số của từng thành viên trong đội ngũ bán hàng;
- Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và chăm sóc khách hàng;
- Đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng công tác thị trường, quảng bá thương hiệu.



**BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Năm 2017, tình hình phát triển kinh tế trong nước có nhiều khởi sắc, tăng trưởng quý sau luôn cao hơn quý trước ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, tăng trưởng kinh tế cả năm đạt mức 6,81%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và xuất khẩu có bước đột phá; chuyển đổi cơ cấu nông, lâm nghiệp và thủy sản bước đầu phát huy hiệu quả; nền kinh tế ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý. Năm 2017, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 2,90% cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng của năm 2016. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 2,07% cho thấy dấu hiệu phục hồi sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao đã mang lại hiệu quả.

Ngành nông nghiệp nói chung và thuốc bảo vệ thực vật nói riêng gặp nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu hạn hán, xâm nhập mặn kéo dài, sự cố môi trường, bão, lũ lụt đã liên tiếp xảy ra tại các tỉnh miền Trung gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và các doanh nghiệp.

Thuốc bảo vệ thực vật phổ biến nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long vì nông dân chuộng biện pháp cấp tốc và trồng tập trung một loại cây nhất định. Theo Bộ NN & PTNT, 5 tháng đầu năm thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu nhập khẩu gần 9.000 tỷ đồng, tăng 41,1% so với cùng kỳ năm 2016. Việc nhập khẩu nguyên liệu thuốc trừ sâu đang áp thuế ở mức 0% và quy mô ngành đang có xu hướng tăng lên đáng kể, cho thấy tiềm năng phát triển của ngành vẫn còn rất khả quan. Tuy vậy, ngành thuốc trừ sâu phải đối mặt với các vấn đề như độ đảm bảo của thuốc, việc lạm dụng thuốc, và xu hướng giảm diện tích canh tác.



Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	KH 2017	Thực hiện		Tăng trưởng (%)	
		2017	2016	So với KH	So với 2016
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	468,888	540,579	480,278	15,29	12,56
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	10,047	11,071	10,651	10,19	3,94
Cổ tức (%/năm)	16	16 (dự kiến)	16	0	0

Năm 2017 tất cả các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra: Doanh thu thuần đạt 540,28 tỷ đồng, tăng trưởng 12,56% so với năm 2016 và vượt 15,29% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 11 tỷ đồng, vượt 10,19% kế hoạch năm. Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (dự kiến) là 16%, bằng 100% so với kế hoạch

Tuy nhiên trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn một số tồn tại, hạn chế sau: Chi phí tăng cao do nguyên vật liệu đầu vào tăng, trong khi giá bán một số mặt hàng không tăng do sự cạnh tranh khốc liệt về giá giữa các Công ty kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; Công tác quản lý hàng gửi bán có lúc chưa chặt chẽ; Hàng hóa, vật tư không phù hợp còn nhiều; tốn nhiều chi phí để xử lý, tiêu hủy; Chất lượng vật tư chưa đảm bảo, nhất là bao bì carton; Chưa xử lý dứt điểm có một số khoản nợ khó đòi.

Đánh giá các mặt hoạt động khác của công ty

Hoạt động đầu tư được đẩy mạnh trong năm 2017 với các trang thiết bị được lắp đặt, mua mới đảm bảo phục vụ cho nhu cầu sản xuất, vận hành nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; đảm bảo cung ứng tương đối đủ, kịp thời theo yêu cầu của thị trường. Tổng giá trị đầu tư trong năm là gần 7 tỷ đồng cho tất cả các hạng mục từ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đến xây dựng cơ bản,...

Về nhân sự, năm 2017 Công ty thực hiện tạm ngừng hoạt động đối với Chi nhánh Quảng Ngãi và giao cho Tổ Bán hàng Khu vực VI quản lý toàn bộ thị trường Quảng Ngãi, Quảng Nam và Đà Nẵng. Đồng thời, sắp xếp lại nhân sự của đơn vị, tăng cán bộ làm công tác thị trường bán hàng, giảm lao động gián tiếp.

Công tác Đảng, đoàn thể được thực hiện đúng quy định. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và của cổ đông.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và tổ chức triển khai, thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị đánh giá cao hoạt động của Ban Tổng giám đốc vì có sự thống nhất chặt chẽ, phân bổ nhiệm vụ rõ ràng cho từng vị trí, tiếp tục giữ vững và duy trì tinh thần đoàn kết nội bộ trong toàn Công ty. Việc phối hợp giữa các thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc được thực hiện chặt chẽ, đạt hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo, và thực hiện nghị quyết của HĐQT.



Các kế hoạch và định hướng của HĐQT

Phương hướng, nhiệm vụ

Ngoài nhiệm vụ chung, HĐQT Công ty chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tập trung thực hiện một số việc chủ yếu sau:

Một là, thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hai là, đầu tư xây dựng và đưa vào áp dụng phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025; triển khai áp dụng công nghệ thông tin để quản trị doanh nghiệp.

Ba là, tăng cường công tác quản lý tiền hàng, tài sản của Công ty; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy mạnh công tác kiểm tra các đơn vị trong việc thực hiện quy định của nhà nước, của Công ty.

Bốn là, đảm bảo chất lượng sản phẩm, nhất là đối với giống cây trồng.

Năm là, đăng ký thêm một số sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật mới, ưu tiên sản phẩm sinh học; sản xuất kinh doanh thuốc trừ côn trùng y tế; triển khai sản xuất, kinh doanh một số giống cây trồng, gồm: giống lúa thuần, giống rau màu.

Chỉ tiêu kế hoạch cơ bản

Trong năm 2018 tới, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về thương hiệu, về con người và công nghệ, mở rộng phát triển thị trường, đảm bảo sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; tập trung đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng quy mô sản xuất và ngành nghề kinh doanh.

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	KH 2018/TH2017
Sản lượng (tấn)	6.059	5.177	85%
Tổng doanh thu (VNĐ)	545.508.171.435	468.888.000.000	86%
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	13.955.557.868	12.558.185.363	90%

Các giải pháp

- *Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên lành nghề*

Trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh và hội nhập, nhiều Công ty coi lực lượng lao động là nguồn lực thiết yếu, không thể thiếu trong quá trình phát triển. Doanh nghiệp cần lực lượng lao động phải đáp ứng được các tiêu chí như: Thái độ tích cực, đúng đắn trong công việc; các kiến thức nền tảng, kỹ năng cứng liên quan tới công việc chuyên ngành; kỹ năng mềm như giao tiếp, xử lý tình huống... Nhưng trong thực tế không có trường đại học nào có thể cung cấp hết tất cả các kỹ năng này cho người lao động. Vì vậy, công tác phát triển và đào tạo nguồn nhân lực luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên có hiệu quả cùng với công tác quy hoạch cán bộ theo cơ chế hiện đại để những người trẻ tuổi có điều kiện phát triển tố chất lãnh đạo. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn. Tuyển dụng và giữ chân những nhân viên thích hợp, loại bỏ những nhân viên làm việc không hiệu quả và cung cấp cho các nhân viên những nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



Xây dựng văn hoá công ty: Công ty là một cấu trúc phối kết hợp các kiến thức cá nhân, niềm tin và gắn kết mọi người trong một đơn vị, giữa các đơn vị với nhau; Xây dựng văn hóa học hỏi và chuyển tiếp những kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn; Định hướng các hành vi nội bộ nhằm đảm bảo sự thành công cho doanh nghiệp.

- *Cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, quan tâm chăm sóc khách hàng*

Xây dựng các quy trình kinh doanh, quy trình quản lý nhằm gia tăng hiệu suất hoạt động và giảm thiểu chi phí để phản ứng nhanh chóng hơn với những thay đổi của thị trường trong khi vẫn cung cấp dịch vụ tốt hơn cho các khách hàng.

- *Xây dựng chiến lược kinh doanh hợp lý*

Bao gồm các kế hoạch tài chính, phương pháp tiếp thị và chiến lược sản phẩm.

- *Sử dụng công nghệ thông tin*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển thương hiệu của Công ty

- *Xây dựng quy trình quản lý hàng gửi bán*

- *Quản lý, kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn*

- *Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động*

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược về tài chính để hỗ trợ, bổ sung nguồn vốn lưu động và phục vụ cho công tác đầu tư - xây dựng cơ bản



BÁO CÁO QUẢN TRỊ



Hội đồng quản trị

Thành viên hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Đặng Văn Thông	CT HĐQT	923,643	17.59	TV điều hành
2	Đỗ Đức Cơ	Phó CT HĐQT	130,714	2.49	TV điều hành
3	Nguyễn Ngọc Long	TV HĐQT	104,060	1.98	TV điều hành
4	Vũ Thiện Giáo	TV HĐQT	33,775	0.64	TV điều hành
5	Phan Văn Tùng	TV HĐQT	43,712	0.83	TV điều hành

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị: Công ty hiện không có tiểu ban trực thuộc

Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT họp thường kỳ và đột xuất, kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và xử lý các vấn đề phát sinh đúng quy định.

Các cuộc họp của HĐQT được thực hiện đúng quy định; nội dung cuộc họp đều được thư ký HĐQT ghi chép đầy đủ trong Sổ biên bản họp của HĐQT; Nghị quyết các cuộc họp HĐQT được ban hành kịp thời. Tại các cuộc họp, tất cả các thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Ông Đặng Văn Thông	Chủ tịch	5/5	100	
2	Ông Đỗ Đức Cơ	Phó Chủ tịch	5/5	100	
3	Ông Phan Văn Tùng	Ủy viên	5/5	100	
4	Ông Vũ Thiện Giáo	Ủy viên	5/5	100	
5	Ông Nguyễn Ngọc Long	Ủy viên	5/5	100	

Trong năm 2017 HĐQT Công ty đã họp 05 lần; biểu quyết và ban hành Nghị quyết của HĐQT. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/BVTV.1-HĐQT/NKIII	17/02/2017	<p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương họp ngày 17/02/2017 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2017 tại thời điểm 15/3/2017, dự kiến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông là ngày 12/4/2017. 2. Thống nhất chủ trương chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, tập trung nhân lực, vật lực cho công tác sản xuất, bán hàng, thực hiện công tác tuyên truyền quảng cáo. 3. Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nguyên liệu, vật tư, tiền vốn, hàng hóa, công nợ tại các đơn vị. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ Xuân năm 2017. 4. Nhất trí bổ nhiệm bà Lương Thị Tú, Phó Phòng Tài chính – Kế toán, Phụ trách kế toán Công ty giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty; và bổ nhiệm ông Nguyễn Việt Hùng, Phó Phòng PTSP Công ty giữ chức vụ Trưởng Phòng Phát triển sản phẩm Công ty. 5. Nhất trí đầu tư mua xe nâng hàng, xe tải cho Chi nhánh Phía Nam, xe tải cho Tổ Bán hàng Khu vực I. Dự trù kinh phí đầu tư khoảng 1,8 tỷ đồng. 6. HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị chức năng tính toán, dự trù kinh phí bồi thường, di dời ba gia đình đang ở tại khu vực đất kho Ngọc Hồi của Công ty và bố trí gặp, thỏa thuận với họ để giải quyết, hiện nay việc cấp lại sổ đỏ không thực hiện được nếu họ còn sống ở đó. 7. Tiếp tục cập nhật thông tin, hồ sơ, tài liệu để thực hiện giao hạn đăng ký các sản phẩm và đăng ký sản phẩm mới. <p>Giao cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc căn cứ nhiệm vụ được giao và các nội dung đã thống nhất trong cuộc họp, tổ chức thực hiện chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh vụ Xuân 2017 và công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</p>

2	02/BVTV.1- HĐQT/NKIII	28/3/2017	<p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương họp ngày 28/3/2017 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp tục triển khai công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh phục vụ vụ Xuân 2017, công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại các xưởng sản xuất. Công tác đầu tư máy móc thiết bị tăng cường năng lực sản xuất, cung ứng kịp thời hàng hóa ra thị trường 2. Đầu tư mua mới máy đóng gói cho Chi nhánh Hải Phòng kinh phí dự trù khoảng 650 triệu đồng; Giao cho ông Long, ông Giáo liên hệ tìm nhà cung ứng và kiểm tra xem xét kỹ nguyên lý hoạt động của máy phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty. 3. Giao cho Ban Tổ chức Đại hội và các Tiểu Ban thực hiện các nhiệm vụ soạn thảo báo cáo, chuẩn bị công tác lễ tân, khánh tiết và phục vụ để tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. 4. Giao cho ông Đỗ Đức Cơ và bà Nguyễn Thị Kim Xuân rà soát lại toàn bộ các báo cáo trước khi trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt gửi cho cổ đông. 5. Giao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty căn cứ vào các nội dung cuộc họp triển khai thực hiện nhiệm vụ.
3	03/BVTV.1- HĐQT/NKIII	28/4/2017	<p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương họp ngày 28/4/2017 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đầu tư mua mới 01 xe TOYOTA FORTUNER nhập khẩu nguyên chiếc cho Chi nhánh Phía Nam. 2. Tổng Giám đốc Công ty tạm thời phụ trách Phòng Kinh doanh cho đến khi có nhân sự bổ nhiệm chức vụ Trưởng Phòng; Giao cho Phó Phòng Kinh doanh tiếp nhận bàn giao hồ sơ, tài liệu từ ông Nguyễn Mạnh Cường. 3. Sắp xếp lại cán bộ của Tổ Bán hàng Khu vực III cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. 4. Giao cho ông Đỗ Đức Cơ và bà Nguyễn Thị Kim Xuân lên phương án sắp xếp lại Chi nhánh Quảng Ngãi về cả tổ chức bộ máy và con người, báo cáo Hội đồng quản trị. <p>Giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện các nội dung nêu trên.</p>

4	04/BVTV.1-HĐQT/NKIII	13/7/2017	<p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương họp ngày 13/7/2017 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự của Chi nhánh Quảng Ngãi, tạm ngừng hoạt động Chi nhánh, giao cho Tổ Bán hàng Khu vực VI quản lý thị trường Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng. Giao cho Ban Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các vấn đề liên quan đến Thuế, BHXH, chính sách chế độ của người lao động, bàn giao thị trường, hàng hóa, công nợ Ông Nguyễn Ngọc Long, Trưởng Phòng Vật tư Công ty thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng. Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Thạch, Phó giám đốc Chi nhánh Hải Phòng giữ chức: Quyền Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng. Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, dụng cụ cho phòng thử nghiệm tại Văn phòng Công ty thực hiện ISO/IEC 17025: 2007; kinh phí dự kiến: 2,5 tỷ đồng. Đầu tư lắp đặt hệ thống báo cháy tự động tại kho của Chi nhánh Hải Phòng, kinh phí dự kiến: 750 triệu đồng. Đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo hệ thống bể xử lý nước thải, lắp đặt máy móc xử lý nước thải. Lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bụi, mùi tại xưởng sản xuất tại Đà Nẵng. Giao cho BDH chỉ đạo các đơn vị lập thiết kế và dự toán kinh phí trình HĐQT Đầu tư kinh phí xây dựng văn phòng làm việc cho Chi nhánh Nam Trung Bộ; Giao cho BDH chỉ đạo các đơn vị liên quan lập thiết kế và dự toán kinh phí trình HĐQT. <p>Giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
---	----------------------	-----------	--



5	05/BVTV.1- HĐQT/NKIII	2/11/2017	<p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương họp ngày 02/11/2017 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhất trí triển khai thực hiện đầu tư máy móc, trang thiết bị cho Phòng Thử nghiệm và Triển khai áp dụng hệ thống quản lý Phòng Thử Nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) ISO 17025:2007 tại trụ sở Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương và đầu tư nâng cấp Phòng Kiểm tra chất lượng tại các Xưởng sản xuất. Tổng mức kinh phí đầu tư khoảng 2,5 tỷ đồng. Giao cho ông Cơ và ông Giáo tổ chức chỉ đạo, thực hiện các công việc liên quan. Ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo ISO 17025. Lựa chọn nhà cung ứng máy móc thiết bị, tổ chức tư vấn, tổ chức đánh giá trình HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt và ban hành quyết định đầu tư. 2. Giao cho Tổng Giám đốc, Ban Tổng giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh vụ Đông Xuân 2017 – 2018 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; Rà soát, đánh giá công tác đầu tư phát triển sản xuất tại các xưởng, công tác môi trường, phòng cháy chữa cháy v.v... 3. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác quản lý hồ sơ đất đai, làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu Văn phòng, kho, xưởng sản xuất Chi nhánh Hải Phòng. <p>Giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
---	--------------------------	-----------	--





Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Lê Ngọc Diệp	Trưởng Ban kiểm soát	12.345	0,24
2	Trần Văn Biên	Thành viên Ban kiểm soát	32.000	0,61
3	Vũ Thị Thanh Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	84.505	1,61

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT và Ban Giám đốc

Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT. Ban kiểm soát đã kiểm soát các hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc, đã kiểm tra việc ghi chép hạch toán sổ sách kế toán và lập Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát đã xem xét kết quả báo cáo tài chính và hệ thống sổ sách kế toán năm 2017 của Công ty.

Sự phối hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát. HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác, cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

Tất cả các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát.





Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc

Thù lao của HĐQT và BKS

1. Kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2016	%	Số tiền (VNĐ)
Kế hoạch (Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016: Mức thù lao cho HĐQT và BKS/Lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức)	1,20	127.811.181
Thực tế chi trả	1,198	127.690.000
2. Dự kiến chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2017		
Kế hoạch (Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017: Mức thù lao cho HĐQT và BKS là 1,2%/Lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức)	1,20	132.856.927
Phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS	1,199	132.729.800

Năm 2018, tổng số tiền thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát sẽ được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 biểu quyết thông qua, HĐQT thực hiện và báo cáo cụ thể trong báo cáo năm sau.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Tên người nội bộ/ người liên quan	Chức vụ	Hình thức	Số lượng	Ngày	Số CP trước GD	Số CP sau GD	Tỷ lệ sau GD
Đặng Văn Thông	Chủ tịch HĐQT	Mua	15.000	07/07/2017	886.075	901.075	17,16
Đặng Văn Thông	Chủ tịch HĐQT	Mua	3.000	27/07/2017	901.075	904.075	17,22
Đặng Văn Thông	Chủ tịch HĐQT	Mua	1.500	28/08/2017	904.075	905.575	17,25
Đặng Văn Thông	Chủ tịch HĐQT	Mua	18.068	25/09/2017	905.575	923.643	17,59
Nguyễn Ngọc Long	Ủy viên HĐQT	Mua	6.200	26/09/2017	96.860	104.060	1,98
Vũ Thị Thanh Huyền	Thành viên BKS	Mua	10.000	10/05/2017	74.505	84.505	1,61



Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định tại TT 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng Điều lệ, Quy chế quản trị bán sát theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Quy chế nội bộ quản trị về quản trị Công ty.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Tăng cường hiệu quả quản trị công ty

Tiêu chí quản trị	Giải pháp tăng cường hiệu quả
Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BGĐ lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/ tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/ HNX tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hà Nội
Quản trị tài chính - kế toán	Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính – kế toán
Quản trị nhân sự	Nâng cao hiệu quả quá trình quản trị nhân sự. Đồng thời Công ty nghiên cứu ứng dụng phần mềm trong quản lý nhân sự thay cho hệ thống Excel



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Mục tiêu phát triển bền vững

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương luôn là địa chỉ tin cậy của bà con nông dân, của các đối tác trong và ngoài nước, của Quý bạn hàng. Với phương châm “Cùng với nông dân cả nước phấn đấu vì một nền nông nghiệp Việt Nam xanh, sạch và bền vững, vì sự ấm no và hạnh phúc của mọi nhà” Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đề ra các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Sản xuất, cung ứng các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, điều hoà sinh trưởng cây trồng chất lượng cao, an toàn với con người, cây trồng và môi trường.
- Đảm bảo lợi ích hợp pháp, chính đáng của bà con nông dân, các đối tác và của Quý bạn hàng.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, cải thiện điều kiện làm việc để đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động, đảm bảo môi trường.

Chi tiết các chỉ tiêu phát triển bền vững

Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Công ty luôn chú trọng đến phát triển bền vững. Hoạt động kinh doanh phải gắn liền với đảm bảo môi trường xanh – sạch. Văn phòng làm việc của Công ty được bố trí hài hòa cây xanh và đảm bảo giữ vệ sinh. Mỗi cán bộ công nhân viên của Công ty luôn được nhắc nhở về các vấn đề đảm bảo vệ sinh môi trường làm việc.

Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Hiện nay, trong điều kiện xã hội đang chuyển dần sang nền kinh tế tri thức, nguồn chất xám của con người đóng vai trò ngày càng quan trọng, Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương cũng nhận thức được vấn đề trên và chú trọng vào yếu tố con người. Đối với công ty, người lao động luôn là trí tuệ, là tài sản quan trọng nhất. Do vậy, Công ty luôn chú trọng công tác huấn luyện, tổ chức các buổi đào tạo nhằm tạo điều kiện cho CBCNV công ty vừa phát huy năng lực bản thân vừa nâng cao trình độ trình độ tay nghề.

Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng – xã hội

Trong năm, công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như chương trình chăm lo Tết cho người nghèo và hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại địa phương nơi Công ty đặt trụ sở, vận động quyên góp toàn Công ty ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt,...





delivered solid results in a challenging market



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT I TRUNG ƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung Ương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương tiền thân là Công ty Vật tư Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3112/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10/11/2005 và số 678/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương chính thức đi vào hoạt động theo Luật doanh nghiệp kể từ ngày 05/6/2006 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012757 nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4/11/2011, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 07 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 145 Hồ Đắc Di - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Văn Thông	Chủ tịch
Ông Đỗ Đức Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Thiện Giáo	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Long	Thành viên
Ông Phan Văn Tùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Văn Thông	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đức Cơ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Ngọc Diệp	Trưởng ban
Ông Trần Văn Biên	Thành viên
Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung Ương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung Ương được lập ngày 02 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung Ương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International



Nguyễn Thị Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2959-2016-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		242.694.411.265	228.582.032.539
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.974.357.001	43.131.683.954
111	1. Tiền		20.974.357.001	43.131.683.954
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.241.423.187	12.069.268.412
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	17.244.182.239	10.907.343.616
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	577.006.269	428.028.570
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.753.501.095	2.068.935.393
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.333.266.416)	(1.335.039.167)
140	IV. Hàng tồn kho	8	197.765.157.757	170.740.914.396
141	1. Hàng tồn kho		205.549.359.898	170.740.914.396
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.784.202.141)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.713.473.320	2.640.165.777
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	714.379.707	828.125.979
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.991.445.853	1.810.978.413
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	7.647.760	1.061.385
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.162.968.008	30.125.897.438
220	II. Tài sản cố định		27.167.190.733	26.941.750.807
221	2. Tài sản cố định hữu hình	9	22.874.796.733	21.809.356.807
222	- Nguyên giá		59.522.901.608	56.327.709.271
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.648.104.875)	(34.518.352.464)
227	4. Tài sản cố định vô hình	10	4.292.394.000	5.132.394.000
228	- Nguyên giá		6.392.394.000	6.392.394.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.100.000.000)	(1.260.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	34.392.728
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	34.392.728
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.995.777.275	3.149.753.903
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.995.777.275	3.149.753.903
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		272.857.379.273	258.707.929.977

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		174.943.149.938	162.882.876.930
310	I. Nợ ngắn hạn		174.507.740.992	162.187.190.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	27.940.037.000	26.805.552.767
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	5.451.899.190	9.147.606.131
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.982.018.096	2.222.342.849
314	4. Phải trả người lao động		22.827.776.325	10.953.124.043
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	456.818.956	769.540.446
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.474.387.617	13.977.668.590
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	108.210.687.508	97.194.735.650
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.164.116.300	1.116.619.713
330	II. Nợ dài hạn		435.408.946	695.686.741
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	435.408.946	695.686.741
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		97.914.229.335	95.825.053.047
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	97.914.229.335	95.825.053.047
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		52.500.000.000	52.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.500.000.000	52.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.726.360.000	4.726.360.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		14.923.968.895	14.923.968.895
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		9.825.662.267	8.760.569.093
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.938.238.173	14.914.155.059
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.866.827.606	4.263.223.321
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		11.071.410.567	10.650.931.738
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		272.857.379.273	258.707.929.977



Lương Thị Tú
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018



Lương Thị Tú
Kế toán trưởng




Đặng Văn Thông
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	540.579.232.414	480.407.548.502
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	129.679.100
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		540.579.232.414	480.277.869.402
11	4. Giá vốn hàng bán	21	419.714.393.954	371.061.341.096
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		120.864.838.460	109.216.528.306
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.452.498.170	322.522.613
22	7. Chi phí tài chính	23	7.068.035.354	7.097.642.237
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.538.601.544	5.276.627.584
25	8. Chi phí bán hàng	24	56.081.643.850	47.998.690.604
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	46.900.341.476	41.366.057.447
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.267.315.950	13.076.660.631
31	11. Thu nhập khác	26	3.476.440.851	1.799.689.070
32	12. Chi phí khác	27	1.788.198.933	1.465.803.907
40	13. Lợi nhuận khác		1.688.241.918	333.885.163
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.955.557.868	13.410.545.794
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.884.147.301	2.759.614.056
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.071.410.567	10.650.931.738
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2.109	2.029



Lương Thị Tú
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018



Lương Thị Tú
Kế toán trưởng




Đặng Văn Thông
Tổng Giám đốc

Đ. C. T.
TY
HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
AASC
KIỂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

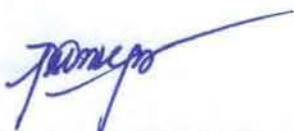
Năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		576.425.292.016	522.439.361.698
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(543.341.970.926)	(399.146.734.543)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(43.415.794.896)	(34.660.159.294)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(5.393.903.224)	(5.571.529.796)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.175.496.420)	(3.134.584.751)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.194.542.000	9.343.420.030
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.589.906.671)	(25.684.318.250)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.297.238.121)	63.585.455.094
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.178.834.760)	(4.108.033.728)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		589.729.778	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.398.516.236	85.137.729
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.190.588.746)	(4.022.895.999)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		347.172.576.492	302.775.895.765
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(336.416.902.429)	(348.184.613.766)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.421.436.720)	(8.456.051.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.334.237.343	(53.864.769.901)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(22.153.589.524)	5.697.789.194
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		43.131.683.954	37.433.894.760
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.737.429)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	20.974.357.001	43.131.683.954




Lương Thị Tú
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018



Lương Thị Tú
Kế toán trưởng




Đặng Văn Thông
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương tiền thân là Công ty Vật tư Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3112/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10/11/2005 và số 678/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương chính thức đi vào hoạt động theo Luật doanh nghiệp kể từ ngày 05/6/2006 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012757 nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4/11/2011, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 07 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 145 Hồ Đắc Di - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 52.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 52.500.000.000 đồng; tương đương 5.250.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và mua bán hóa chất, phân bón hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt chuột, ruồi, muỗi, kiến, gián, thuốc kích thích sinh trưởng cây trồng, giống cây trồng....

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đang thực hiện khai thác thêm việc kinh doanh giống cây trồng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hình thức	Hoạt động kinh doanh chính
Các chi nhánh			
Chi nhánh Hải Phòng	Km 9 Vật Cách, Quán Toan, Hải Phòng	Hạch toán báo số	Như Công ty
Chi nhánh Phía Bắc	Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	Hạch toán phụ thuộc	Như Công ty
Chi nhánh Phía Nam	Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc	Như Công ty
Chi nhánh Đà Nẵng	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng	Hạch toán phụ thuộc	Như Công ty
Chi nhánh Thừa Thiên Huế	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Hạch toán phụ thuộc	Như Công ty
Chi nhánh Quảng Ngãi	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Hạch toán phụ thuộc	Như Công ty
Chi nhánh Nam Trung Bộ	Tuy Phước, Bình Định	Hạch toán phụ thuộc	Như Công ty
Chi nhánh Phú Yên	Tuy Hòa, Phú Yên	Hạch toán báo số	Như Công ty
Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Chi nhánh Nam Trung Bộ Hạch toán phụ thuộc	Như Công ty



2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty bao gồm:

Văn phòng Công ty (bao gồm cả sổ hạch toán báo sổ của Chi nhánh Hải Phòng)

Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Phía Nam

Chi nhánh Đà Nẵng

Chi nhánh Thừa Thiên Huế

Chi nhánh Quảng Ngãi (tạm dừng hoạt động từ ngày 01/09/2017)

Chi nhánh Nam Trung Bộ (bao gồm cả sổ hạch toán báo sổ của Chi nhánh Phú Yên)

Chi nhánh Tây Nguyên

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	Không khấu hao	
- Bản quyền giống cây trồng	05	năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tiền mặt	1.530.357.811	1.697.281.571
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.443.999.190	41.434.402.383
	20.974.357.001	43.131.683.954

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Đại Ngân CHEMICAL	-	322.067.600
- Cửa hàng Dịch vụ Vật tư Nông nghiệp Thuốc Bảo vệ Thực vật xã Giao Yên	139.955.517	225.509.217
- Nguyễn Ngọc Hùng	667.330.539	550.491.229
- Lê Thị Bành	105.796.124	215.133.807
- Mai Thanh Nga	322.687.272	296.329.977
- Lại Văn Hoài	216.807.432	307.707.152
- Nguyễn Chí Thắng	194.521.805	195.399.913
- Nguyễn Bá Tuấn	252.626.321	387.754.642
- Công ty Cổ phần Minh Sơn	509.351.020	509.351.020
- Nguyễn Trọng Anh	349.771.654	-
- Lê Bá Ngọc	237.894.168	-
- Trạm Khuyến nông Cẩm Thù	221.605.000	-
- Nguyễn Tiến Lượng	330.759.998	185.162.598
- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật Quế Phong	460.789.986	85.984.670
- Công ty Cổ phần giống Cây trồng Nghệ An	407.680.000	-
- Công ty TNHH MTV Vật tư Bảo vệ Thực vật Thành Phát	324.801.382	-
- Bùi Ngọc Sơn -Cán bộ Trung tâm Kon tum	2.627.858.294	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	790.944.000	-
- Lê Thị Mỹ Phượng	1.898.177.213	48.723.167
- Công ty TNHH Nông dược Bình Định	1.033.460.359	1.069.349.854
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.151.364.155	6.508.378.770
	17.244.182.239	10.907.343.616

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Xưởng Cơ khí Minh Sơn	-	228.300.000
- Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Kỹ thuật về Môi trường	35.337.500	29.129.870
- Công ty Cổ phần Địa chính Sao Việt	81.000.000	81.000.000
- Công ty TNHH VIFI Việt Na	66.000.000	-
- Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc BVTV Phía Nam	53.000.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Sơn	123.673.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Dịch vụ Gia Cường	101.444.400	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	116.551.369	89.598.700
	577.006.269	428.028.570

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	5.425.280	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	1.017.240	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	678.160	-
- Tạm ứng	405.948.342	-	574.462.431	-
- Ký cược, ký quỹ	30.853.120	-	30.853.120	-
- Phí bảo quản hàng dự trữ	745.773.957	-	734.591.289	-
- Phí xuất hàng dự trữ quốc	-	-	10.909.091	-
- FMG (ASIA) LIMITED phải thu tiền phí hủy hàng	-	-	473.500.000	-
- Công ty TNHH Sơn Thành phải thu tiền phí hủy hàng	216.299.600	(216.299.600)	216.299.600	-
- Hoàng Văn Thát	130.021.612	(130.021.612)	-	-
- Công ty TNHH MTV Trùng Dương	65.571.587	-	-	-
- Tùng Lâm	117.775.492	(117.775.492)	-	-
- Phải thu khác	41.257.385	-	21.199.182	-
	1.753.501.095	(464.096.704)	2.068.935.393	-

7. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ phần Minh Sơn	509.351.020	-	509.351.020	-
- Hoàng Văn Thát	130.021.612	-	196.207.720	-
- Tùng Lâm	117.775.492	-	171.545.672	-
- Phan Thị Ngọc Bích	-	-	240.190.900	-
- Công ty TNHH Sơn Thành	216.299.600	-	-	-
- Các khoản khác	595.316.808	235.498.116	316.179.793	98.435.938
	1.568.764.532	235.498.116	1.433.475.105	98.435.938

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	129.928.026.163	(1.794.299.929)	77.132.543.127	-
- Công cụ, dụng cụ	776.418.388	-	440.471.100	-
- Thành phẩm	63.757.631.661	(3.610.504.659)	73.227.487.016	-
- Hàng hoá	1.248.373.571	(191.238.000)	4.850.437.150	-
- Hàng gửi đi bán	9.838.910.115	(2.188.159.553)	15.089.976.003	-
	205.549.359.898	(7.784.202.141)	170.740.914.396	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Chi tiết tại Phụ lục 01 trang 29)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.192.394.000	4.200.000.000	6.392.394.000
Số dư cuối năm	2.192.394.000	4.200.000.000	6.392.394.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.260.000.000	1.260.000.000
- Khấu hao trong năm	-	840.000.000	840.000.000
Số dư cuối năm	-	2.100.000.000	2.100.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.192.394.000	2.940.000.000	5.132.394.000
Tại ngày cuối năm	2.192.394.000	2.100.000.000	4.292.394.000

(*) Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất không thời hạn tại 48A Đại lộ Nguyễn Tất Thành, phường 2, thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên với tổng diện tích 149,83 m2 đang được sử dụng làm văn phòng của Chi nhánh Phú Yên với nguyên giá là 831.624.000 VND, và tại thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với tổng diện tích 213,11 m2 đang được sử dụng làm văn phòng của Chi nhánh Nam Trung Bộ với nguyên giá là 1.360.770.000 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí thuê địa điểm	83.000.000	83.000.000
- Chi phí mua bảo hiểm	168.829.336	161.824.951
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	307.257.369	350.841.506
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	155.293.002	232.459.522
	714.379.707	828.125.979
b) Dài hạn		
- Chi phí Sửa chữa	1.155.582.881	1.367.420.883
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.777.885.257	1.686.733.977
- Chi phí trả trước dài hạn khác	62.309.137	95.599.043
	2.995.777.275	3.149.753.903

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	96.095.066.486	96.095.066.486	347.172.576.492	335.056.955.470	108.210.687.508	108.210.687.508
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.099.669.164	1.099.669.164	-	1.099.669.164	-	-
	97.194.735.650	97.194.735.650	347.172.576.492	336.156.624.634	108.210.687.508	108.210.687.508
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	1.795.355.905	1.795.355.905	-	1.359.946.959	435.408.946	435.408.946
	1.795.355.905	1.795.355.905	-	1.359.946.959	435.408.946	435.408.946
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.099.669.164)	(1.099.669.164)	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>695.686.741</u>	<u>695.686.741</u>			<u>435.408.946</u>	<u>435.408.946</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	VND	5,8% đến 6,5%	Tín chấp	31.034.352.700	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng lần nhận nợ	Quyền sử dụng đất (*)	12.012.086.500	3.647.520.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC - Chi nhánh Hà Nội	USD	Theo từng lần nhận nợ	Tín chấp	-	2.083.693.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	VND	Theo từng lần nhận nợ	Quyền sử dụng đất (**)	43.046.948.108	6.838.595.300
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	USD	Theo từng lần nhận nợ	Quyền sử dụng đất	-	44.228.609.975

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội	VND	Theo từng lần nhận nợ	Quyền sử dụng đất	-	8.703.404.711
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình	VND	Theo từng lần nhận nợ	Hàng tồn kho	-	16.170.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bắc Thăng Long	VND	Theo từng lần nhận nợ	Tín chấp	19.229.300.200	13.232.393.000
Vay cá nhân	VND	0,5%/tháng	Tín chấp	2.888.000.000	1.190.850.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả				-	1.099.669.164
				108.210.687.508	97.194.735.650

(*) Quyền sử dụng đất số VHN 111846/L tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 493580 Số 145 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch	VND	Tại thời điểm giải ngân	2018	Tín chấp	435.408.946	884.944.455
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đống Đa	VND	Tại thời điểm giải ngân	2017	Tín chấp	-	910.411.450
					435.408.946	1.795.355.905
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					435.408.946	1.795.355.905

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư				
- Công ty TNHH Hưng Hằng	1.265.332.806	1.265.332.806	791.421.002	791.421.002
- Công ty ITOCHU	-	-	3.196.858.500	3.196.858.500
- EASTCHEM CO..LTD	11.494.890.160	11.494.890.160	13.308.258.350	13.308.258.350
- Shanghai Agro-Chemical Industry Co..Ltd	-	-	4.728.340.000	4.728.340.000
- FH Agrochemical International Trade Pte Ltd	3.272.151.713	3.272.151.713	-	-
- Công ty TNHH NICHINO Việt Nam	5.472.689.670	5.472.689.670	-	-
- Chi nhánh Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An	1.019.612.845	1.019.612.845	642.966.543	642.966.543
- Phải trả các đối tượng khác	5.415.359.806	5.415.359.806	4.137.708.372	4.137.708.372
	27.940.037.000	27.940.037.000	26.805.552.767	26.805.552.767
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.265.332.806	1.265.332.806	791.421.002	791.421.002

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Nguyễn Thanh Tùng	-	982.633.234
- Đỗ Đức Khương	-	400.000.000
- Nguyễn Văn Trường	1.955	312.081.613
- Nguyễn Thị Thuyết	-	267.380.499
- Lê Thị Thuý - Trại giống Nà Ngưu	766.952.210	167.999.170
- Đỗ Thị Nghĩ	865.715.573	1.745.199.740
- Phạm Thị Lan Phương	-	350.000.332
- Công ty TNHH MTV Giống Vật tư Nông nghiệp Tây Bắc	4.057.405	358.762.148
- Lê Thị Loan	1.866.243.200	2.499.998.900
- Nguyễn Văn Đoàn	-	193.426.210
- Nguyễn Thị Tuyết Mai	-	285.340.061
- Công ty TNHH MTV Bình Dương Sơn La	217.885.464	37.114.164
- Trần Thị Hương	815.526.481	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	915.516.902	1.547.670.120
	5.451.899.190	9.147.606.131

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	125.000	165.095.553	2.702.268.711	2.792.826.618	-	74.412.646
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	647.730.140	647.730.140	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.748.658.656	2.933.834.993	3.175.496.420	-	1.506.997.229
Thuế Thu nhập cá nhân	-	308.588.640	1.286.952.206	1.201.350.580	6.417.955	400.608.221
Thuế Tài nguyên	936.385	-	2.706.580	3.000.000	1.229.805	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	471.202.002	471.202.002	-	-
	1.061.385	2.222.342.849	8.044.694.632	8.291.605.760	7.647.760	1.982.018.096

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	265.576.788	120.878.468
- Chi phí phải trả khác (chi phí hội nghị khách hàng, mua hàng...)	191.242.168	648.661.978
	456.818.956	769.540.446

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	309.792.538	48.166.104
- Bảo hiểm xã hội	3.731.175	-
- Phải trả Đảng phí	1.673.500	15.907.820
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	122.990.000	122.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	73.266.500	94.703.220
- Hỗ trợ khách hàng, khuyến mại phải trả khách hàng	2.200.939.062	872.086.947
- Phải trả hàng hóa dự trữ quốc gia giữ hộ (*)	3.083.932.512	11.938.817.285
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	678.062.330	884.997.214
	6.474.387.617	13.977.668.590

(*): Đây là giá trị hàng tạm vay từ hàng dự trữ quốc gia tại thời điểm 31/12/2017 (một phần hàng giữ hộ trên thuyết minh số 19).

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Chi tiết tại Phụ lục 02 trang 30)

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	10.650.931.738
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	1.065.093.174
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	532.546.587
Chi trả cổ tức (bằng 16% vốn điều lệ)	78,87%	8.400.000.000
Lợi nhuận các năm trước còn lại chưa phân phối		4.263.223.321
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2017		4.916.515.298

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	Tỷ lệ (%)	01/01/2017	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Bà Doãn Thị Hằng	3.042.340.000	5,79%	3.042.340.000	5,79%
Ông Đặng Văn Thông	9.236.430.000	17,59%	8.860.750.000	16,88%
Ông Đình Văn Hoạt	3.330.000.000	6,34%	3.330.000.000	6,34%
Bà Đặng Quỳnh Trang	5.578.410.000	10,63%	5.578.410.000	10,63%
Các cổ đông khác	31.312.820.000	59,64%	31.688.500.000	60,36%
	52.500.000.000	100%	52.500.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	52.500.000.000	52.500.000.000
- Vốn góp cuối năm	52.500.000.000	52.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.400.000.000	8.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.400.000.000	8.400.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.825.662.267	8.760.569.093
	9.825.662.267	8.760.569.093

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ	31/12/2017		01/01/2017	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Katana 20SC - Chai 480ml	28.900	6.131.101.187	28.900	6.131.101.187
- Tango 800WG - Thùng	2.500	4.391.875.000	2.500	4.391.875.000
- Victory 300EC - Phuy	13.730	2.627.194.310	13.730	2.627.194.310
- Fuji-One 40WP - Thùng (Bao)	44.865	3.621.607.144	44.865	3.621.607.144
- Katana 20SC - Phuy	7.516	3.291.206.000	7.516	3.291.206.000
- Bassa 50EC - Chai 450ml	271.642	16.373.507.932	271.642	16.373.507.932
- Tango 800WG - Gói 1 gram	399.800	845.600.000	399.800	845.600.000
	768.953	37.282.091.573	768.953	37.282.091.573

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
USD	2254,06	425.666,32

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	539.769.359.748	479.352.497.579
Doanh thu cung cấp dịch vụ	809.872.666	1.055.050.923
	540.579.232.414	480.407.548.502

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	411.446.195.111	370.614.295.416
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	483.996.702	447.045.680
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.784.202.141	-
	419.714.393.954	371.061.341.096

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.398.516.236	85.137.729
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	53.981.934	237.384.884
	1.452.498.170	322.522.613

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.538.601.544	5.276.627.584
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	19.164.653
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.525.736.745	1.801.850.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.697.065	-
	7.068.035.354	7.097.642.237

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.988.757.850	7.696.429.212
Chi phí nhân công	15.647.289.764	13.301.518.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.259.860.761	1.467.485.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.806.882.743	9.001.020.283
Chi phí khác bằng tiền	19.378.852.732	16.532.236.282
	56.081.643.850	47.998.690.604

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.390.720.540	1.256.044.030
Chi phí nhân công	37.412.368.334	30.290.911.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.542.300.276	1.401.856.702
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	79.884.259	(763.658.715)
Thuế, phí, lệ phí	1.985.069.342	2.030.866.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.384.760.481	3.862.840.209
Chi phí khác bằng tiền	3.105.238.244	3.287.197.343
	46.900.341.476	41.366.057.447

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định (*)	503.925.069	-
Thuốc nhập thừa do sản xuất	944.801.250	-
Tiền điện cho thuê kho	1.475.774.844	1.417.938.983
Thu nhập khác	551.939.688	381.750.087
	3.476.440.851	1.799.689.070

(*) Phần chênh lệch giữa khoản thu về thanh lý tài sản cố định (số tiền: 560.638.869 đồng) cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý (số tiền: 56.713.800 đồng).

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền điện cho thuê kho	1.475.774.844	1.381.688.186
Các khoản bị phạt	50.724.077	84.000.756
Chi phí khác	261.700.012	114.965
	1.788.198.933	1.465.803.907

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	13.955.557.868	13.410.545.794
Các khoản điều chỉnh tăng	465.178.637	387.524.488
- Chi phí không hợp lệ	465.178.637	387.524.488
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.420.736.505	13.798.070.282
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.884.147.301	2.759.614.056
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	49.687.692	70.640.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.748.658.656	2.052.988.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.175.496.420)	(3.134.584.751)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.506.997.229	1.748.658.656

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.071.410.567	10.650.931.738
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.071.410.567	10.650.931.738
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.250.000	5.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.109	2.029

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	492.611.844.301	427.060.110.323
Chi phí nhân công	55.290.447.178	42.446.377.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.867.590.125	5.147.664.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.403.629.382	24.048.390.299
Chi phí khác bằng tiền	25.117.663.911	25.871.141.675
	590.291.174.897	524.573.684.372

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.974.357.001	-	43.131.683.954	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.997.683.334	(1.333.266.416)	12.976.279.009	(1.335.039.167)
	39.972.040.335	(1.333.266.416)	56.107.962.963	(1.335.039.167)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	108.646.096.454	97.890.422.391
Phải trả người bán, phải trả khác	34.414.424.617	40.783.221.357
Chi phí phải trả	456.818.956	769.540.446
	143.517.340.027	139.443.184.194

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.974.357.001	-	-	20.974.357.001
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.664.416.918	-	-	17.664.416.918
	38.638.773.919	-	-	38.638.773.919
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.131.683.954	-	-	43.131.683.954
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.641.239.842	-	-	11.641.239.842
	54.772.923.796	-	-	54.772.923.796

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	108.210.687.508	435.408.946	-	108.646.096.454
Phải trả người bán, phải trả	34.414.424.617	-	-	34.414.424.617
Chi phí phải trả	456.818.956	-	-	456.818.956
	143.081.931.081	435.408.946	-	143.517.340.027

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	97.194.735.650	695.686.741	-	97.890.422.391
Phải trả người bán, phải trả	40.783.221.357	-	-	40.783.221.357
Chi phí phải trả	769.540.446	-	-	769.540.446
	138.747.497.453	695.686.741	-	139.443.184.194

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	347.172.576.492	302.775.895.765
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	336.416.902.429	348.184.613.766

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Thuê kho			
Công ty TNHH Hưng Hằng	Cổ đồng	109.090.910	109.090.910
Mua hàng hóa			
Công ty TNHH Hưng Hằng	Cổ đồng	17.870.240.120	15.148.038.780
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính			
	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Hưng Hằng	Cổ đồng	1.265.332.806	791.421.002



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.426.952.086	1.993.270.766
<i>Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc</i>	<i>690.402.439</i>	<i>635.634.956</i>

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lương Thị Tú
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018



Lương Thị Tú
Kế toán trưởng



Đặng Văn Thông
Tổng Giám đốc



PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	23.589.125.608	9.861.870.502	21.824.965.522	274.733.368	777.014.271	56.327.709.271
- Mua trong năm	742.783.637	893.363.636	3.488.527.487	54.160.000	-	5.178.834.760
- Thanh lý, nhượng bán	-	(214.090.909)	(1.651.538.714)	(118.012.800)	-	(1.983.642.423)
Số dư cuối năm	24.331.909.245	10.541.143.229	23.661.954.295	210.880.568	777.014.271	59.522.901.608
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.185.687.693	7.646.634.346	11.747.138.393	274.733.368	664.158.664	34.518.352.464
- Khấu hao trong năm	956.666.250	868.988.159	2.145.599.358	16.548.884	39.787.474	4.027.590.125
- Thanh lý, nhượng bán	-	(185.000.000)	(1.594.824.914)	(118.012.800)	-	(1.897.837.714)
Số dư cuối năm	15.142.353.943	8.330.622.505	12.297.912.837	173.269.452	703.946.138	36.648.104.875
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.403.437.915	2.215.236.156	10.077.827.129	-	112.855.607	21.809.356.807
Tại ngày cuối năm	9.189.555.302	2.210.520.724	11.364.041.458	37.611.116	73.068.133	22.874.796.733

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.643.193.585 đồng



Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	52.500.000.000	4.726.360.000	14.923.968.895	7.544.417.473	14.438.938.779	94.133.685.147
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	10.650.931.738	10.650.931.738
Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	977.846.252	(9.866.769.378)	(8.888.923.126)
Tăng quỹ Đầu tư phát triển tương ứng với thuế được miễn giảm	-	-	-	238.305.368	(238.305.368)	-
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế 2015	-	-	-	-	(70.640.712)	(70.640.712)
Số dư cuối năm trước	52.500.000.000	4.726.360.000	14.923.968.895	8.760.569.093	14.914.155.059	95.825.053.047
Số dư đầu năm nay	52.500.000.000	4.726.360.000	14.923.968.895	8.760.569.093	14.914.155.059	95.825.053.047
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.071.410.567	11.071.410.567
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.065.093.174	(9.997.639.761)	(8.932.546.587)
Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra thuế 2016	-	-	-	-	(49.687.692)	(49.687.692)
Số dư cuối năm nay	52.500.000.000	4.726.360.000	14.923.968.895	9.825.662.267	15.938.238.173	97.914.229.335



www.psc1.com

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG VĂN THÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Trụ sở: 145 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội | ĐT: 84.24.38572764 | Fax: 84.24.38572751
Email: dangvanthong@psc1.com | Website: www.psc1.com